





## TẦM NHÌN

Duy trì vị thế doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa vật liệu xây dựng Việt Nam.

Chủ động hoàn thiện năng lực, sẵn sàng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

## SỨ MỆNH

Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bảo đảm hài hòa các lợi ích của Khách hàng, Người lao động, Cổ đông và Xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đồng thuận cao -  
Tôn trọng quá khứ -  
Vững vàng hiện tại -  
Tự tin hướng tới tương lai.

## THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Nhân viên thân mến

Sau đại dịch, dù GDP của Việt Nam tăng hơn 8% trong năm 2022, nhưng thị trường xây dựng và bất động sản gặp nhiều khó khăn về thanh khoản, dòng tiền, chính sách ngân hàng không hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng. Trong điều kiện đó, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP) vẫn thể hiện được sự phục hồi rất hiệu quả, duy trì thị phần và dẫn dắt thị trường. Tuy doanh thu và sản lượng chưa tăng trưởng như mong đợi, nhưng lợi nhuận của BMP đã đạt mức cao kỷ lục với biên lợi nhuận vượt xa so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Để đạt được kết quả trên, có thể kể đến các yếu tố hỗ trợ mới nổi lên trong năm 2022 như:

- Chính sách kinh doanh nhất quán, khai thác được thế mạnh cạnh tranh của thương hiệu và chất lượng sản phẩm, thỏa mãn được phân khúc khách hàng cần sản phẩm tốt nhất để nâng cao chuỗi giá trị.
- Quản lý Chuỗi cung ứng thành thực từ đầu vào mua nguyên vật liệu số lượng tối ưu với giá cạnh tranh nhất, đến thực hiện vận hành sản xuất với nguồn lực hiệu quả và điểm cuối là thực hiện dịch vụ giao nhận sản phẩm cho hệ thống phân phối đúng thời điểm, đúng sản phẩm, đúng số lượng tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho các nhà phân phối.

Dĩ nhiên, các yếu tố hỗ trợ mới nổi lên ở trên không phải tự nhiên mà có. Chúng đều được hình thành dựa trên các nền tảng năng lực cạnh tranh mà BMP đã tích lũy được trong hơn 45 năm qua như thương hiệu, chất lượng, văn hóa, con người, khả năng học tập và thích ứng, hệ thống quản lý, quy trình làm việc, sự hợp tác với các đối tác chiến lược...

Không thỏa mãn với những nền tảng hiện có, BMP vẫn đang tiếp tục cải tiến quy trình quản lý và đẩy mạnh ứng dụng mô hình Tích hợp Kinh doanh Xuất sắc (IBE) từ hệ thống quản lý Dupont nổi tiếng thế giới vào tổ chức, hình

thành một tư tưởng cốt lõi trong phát triển kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, độ tin cậy của doanh nghiệp và tính bền vững trong các lĩnh vực trọng yếu như:

- Phát triển phân luồng quản lý quy trình, song song với lược bỏ các bước không cần thiết.
- Đẩy mạnh việc phân quyền ủy quyền cho nhân viên.
- Tăng cường công tác truyền thông trong nội bộ và ra bên ngoài.
- Tăng tốc tiếp cận thị trường thông qua công tác phân khúc thị trường
- Tập trung xây dựng và áp dụng hiệu quả mô hình ESG

Tình hình Thế giới và Việt Nam năm 2023 được dự đoán vẫn còn nhiều bất ổn khó lường do chiến tranh, xung đột địa chính trị, nguy cơ suy thoái kinh tế, lạm phát, nợ xấu, phá sản, cạnh tranh gay gắt... Tuy nhiên, với sự chuẩn bị kỹ càng về nguồn lực vững chắc, về hệ thống quản lý hiệu quả và mối quan hệ 2 bên cùng có lợi với các đối tác, BMP vẫn sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc từ các yếu tố bên trong lẫn bên ngoài. BMP cam kết với tầm nhìn vững trãi và rõ ràng của mình, Công ty sẽ dẫn đầu thị trường về các sản phẩm ống nhựa tích hợp tại Việt Nam, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm của mình tương thích với các tiêu chuẩn của khu vực và ứng dụng các quy trình quản lý đẳng cấp thế giới vào hoạt động, đảm bảo sự thành công lâu dài của công ty.

Sau cùng, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả các cổ đông, đối tác, nhân viên và khách hàng đã tin cậy và đồng hành vươn tới thành công của Công ty trong những năm qua với tinh thần "Better together".

Trân trọng và cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
**Sakchai Patiparnpreechavud**

# MỤC LỤC

## I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	10
2. Các cột mốc phát triển	12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	28
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	38
5. Định hướng phát triển	42
6. Các rủi ro	44

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	50
2. Tổ chức và nhân sự	52
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	60
4. Tình hình tài chính	62
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	69
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	72

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	92
2. Tình hình tài chính	94
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	96
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	97
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán	98
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	98

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	106
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị	108
3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập	110
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành	112
5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển	114

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	118
2. Ban Kiểm soát	132
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát	140

## VI. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

Báo cáo ESG	149
-------------	-----

## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán	154
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	158



### DANH MỤC TỬ VIẾT TẮT

CBCNV:	Cán bộ công nhân viên	MTV:	Một thành viên	ERP:	Enterprise Resource Planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
NLD:	Người lao động	NBM:	Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc	ĐKDN:	Đăng ký doanh nghiệp
DHDCD:	Đại hội đồng cổ đông	BMLA:	Bình Minh Long An	OTRR:	Quản trị rủi ro
HDQT:	Hội đồng quản trị	DPC:	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
BKS:	Ban Kiểm soát	SCIC:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	KSNB:	Kiểm soát nội bộ
BTGD:	Ban Tổng Giám đốc	BMV:	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	NTP:	Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong
HDTV:	Hội đồng thành viên	TP.HCM:	Thành phố Hồ Chí Minh	ESG:	Môi trường - Xã hội - Quản trị
BMP:	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp		
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn				



## I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	10
2. Các cột mốc phát triển	12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	28
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	38
5. Định hướng phát triển	42
6. Các rủi ro	44



Tên công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh:

**BINH MINH PLASTICS  
JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch:

**BM PLASCO**

## 1. Thông tin khái quát



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:  
0301464823

Vốn điều lệ:

**818.609.380.000 đồng**

Địa chỉ:

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6,  
TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 39 690 973

Fax: (84-28) 39 606 814

Website: [www.binhminhplastic.com.vn](http://www.binhminhplastic.com.vn)

Mã cổ phiếu : BMP

## 2. Các cột mốc phát triển

**1977-1986**

### Ổn định sản xuất

**T**rong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất tấm chắn từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông...

**1977**



- Ngày 16/11, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiểu Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

**1986**



- Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án “Chương trình nước sạch nông thôn”, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

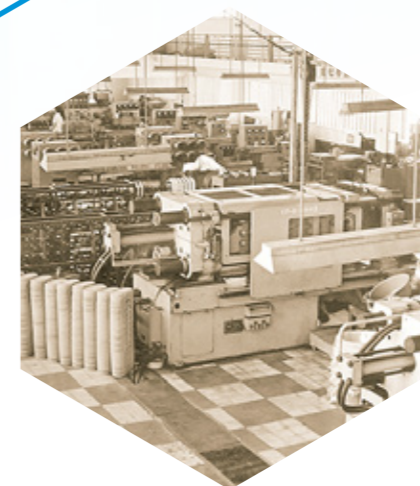
## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

**1987-1996**

### Đầu tư khoa học kỹ thuật - Định hướng phát triển

**T**rong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.

**1990**



- Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

**1994**



- Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam 400 mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

**1997-2006**

### Đổi mới để phát triển

Với chủ trương “Đổi mới để phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn.

**1999**



- Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m<sup>2</sup> tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.

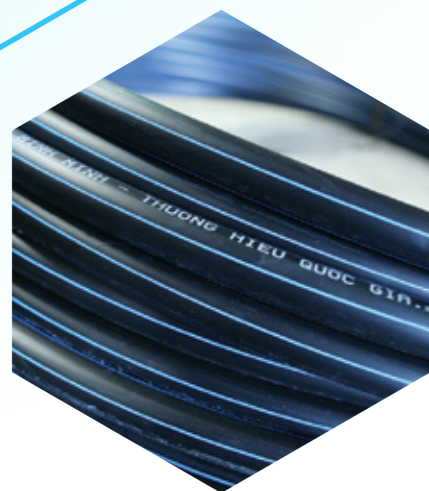
**2000**



- Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

## Các cột mốc phát triển (tt)

2002



- Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.
- Hoàn tất đầu tư kho bãi, mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m<sup>2</sup>.

2004



- Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.
- Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m<sup>2</sup>.

2006



- Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.

## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

### 2007 đến nay

#### Phát triển bền vững

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

2007



- Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia thị trường phía Bắc.

2008



- Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.

## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

**2009**



- Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
- Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630 mm.

**2010**



- Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.
- Ký hợp đồng thuê hơn 155.000m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án Nhà máy Bình Minh Long An.

**2012**



- Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
- Triển khai dự án công nghệ thông tin "Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Oracle E-Business Suite".

**2013**



- Đạt chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
- Tăng vốn điều lệ lên 454.784.800.000 đồng.

## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

2015



- Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.
- Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.

2016



- Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.

2017

- Khánh thành giai đoạn hai BMLA.
- Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.
- Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.
- Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.
- Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000-2015.
- Đạt Giải Vàng Chất lượng Việt Nam
- Tăng vốn điều lệ lên 818.609.380.000 đồng

2018



- Trở thành Công ty thành viên thuộc Tập đoàn SCG Thailand - một tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á. Tiếp cận một tập đoàn lớn với nhiều kinh nghiệm và công nghệ quản trị hiện đại, Nhựa Bình Minh có điều kiện rất thuận lợi để trao đổi, hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.
- Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương.

## 2. Các cột mốc phát triển (tt)

2021



- Vượt qua đại dịch Covid, bảo toàn nguồn nhân lực. Áp dụng thành công và vận hành chính thức Bộ phận Quản lý chuỗi cung ứng (SCM).

2022



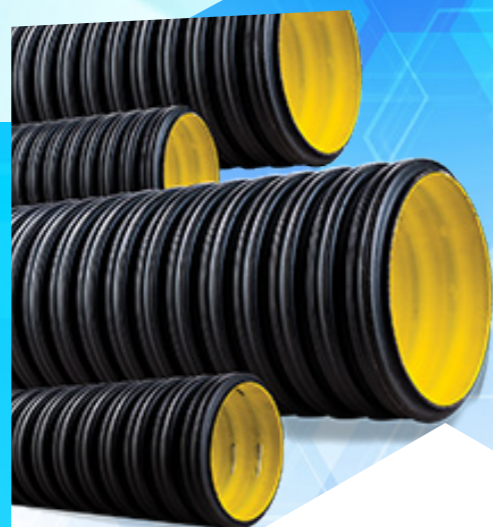
- Phục hồi sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả sau Đại dịch.
- Đạt lợi nhuận cao kỷ lục với quy trình Quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả:
  - + Mua sắm chủ động.
  - + Vận hành tối ưu.
  - + Đặt trọng tâm vào khách hàng.



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### Ngành nghề kinh doanh:

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)



#### Địa bàn kinh doanh

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh trên cả nước.

1. NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH SÀI GÒN
2. CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
3. NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH BÌNH DƯƠNG
4. NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH LONG AN



#### Các nhà máy sản xuất

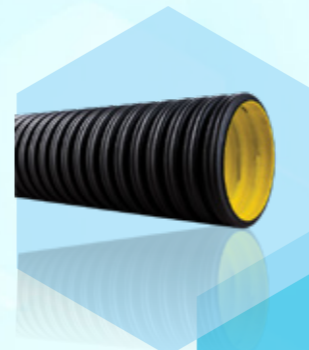
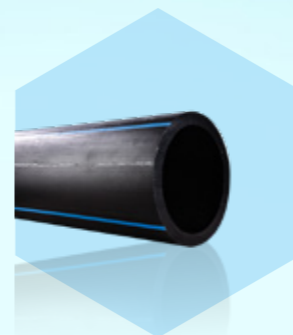
Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại Tp. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 150.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

#### Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau hơn 45 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2022, Công ty có khoảng 1.950 cửa hàng trên cả nước, đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng...

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)

#### Danh mục sản phẩm tiêu biểu



#### Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U

Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20mm đến 630mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2017/BXD

#### Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16mm đến 1.200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)

#### Danh mục sản phẩm tiêu biểu



#### Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20mm đến 160mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD.

#### Nhóm các sản phẩm khác

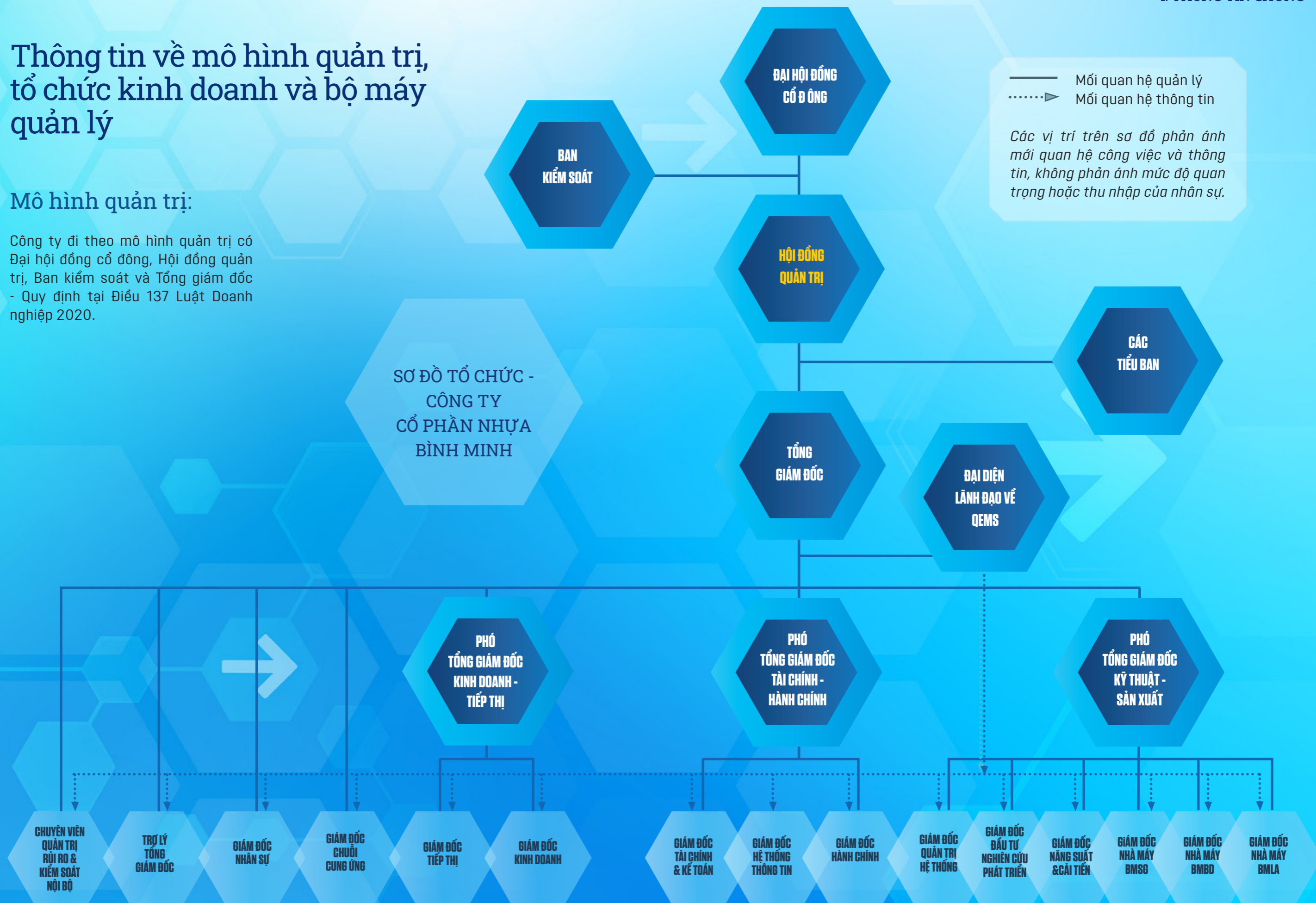
Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với Bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### Mô hình quản trị:

Công ty đi theo mô hình quản trị có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc - Quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC -  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN NHỰA  
 BÌNH MINH



— Mối quan hệ quản lý  
 ..... Mối quan hệ thông tin

Các vị trí trên sơ đồ phản ánh mối quan hệ công việc và thông tin, không phản ánh mức độ quan trọng hoặc thu nhập của nhân sự.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tt)

### Các công ty con và công ty liên kết

#### Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM) CÔNG TY CON

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006, tọa lạc tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. NBM chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m<sup>2</sup>, năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

ĐC: Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

#### Công ty CP Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt (BMV) CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%. Đang được tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động.

ĐC: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM

#### CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG (DPC) CÔNG TY LIÊN KẾT

VỐN ĐIỀU LỆ  
**22,4 tỷ VNĐ**  
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU  
**29%**

#### Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC) CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên

#### CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN BÌNH MINH VIỆT (BMV) CÔNG TY LIÊN KẾT

VỐN ĐIỀU LỆ  
**210 tỷ VNĐ**  
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU  
**26%**

kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Cao nguyên.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên.

ĐC: Lô D, đường số 4 & 7, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

#### CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC (NBM) CÔNG TY CON

VỐN ĐIỀU LỆ  
**155 tỷ VNĐ**  
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU  
**100%**



## 5. Định hướng phát triển - Chiến lược từ 2023-2027



### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Gia tăng thị phần của Công ty tại Việt Nam thông qua áp dụng phương thức Vận hành Xuất sắc trong sản xuất, đi đôi với Quản lý chuỗi cung ứng.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Nắm bắt nhu cầu tiêu thụ trong nước và các cơ hội đầu tư phát triển hạ tầng tại các địa phương:**
  - ▶ Củng cố mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và các đối tác kinh doanh.
  - ▶ Nâng cao hiệu quả của Chuỗi cung ứng thông qua quá trình chuyển đổi số.
- **Nâng cao năng lực sản xuất và tỷ lệ sử dụng thiết bị thông qua nghiệp vụ quản lý chuỗi cung ứng:**
  - ▶ Thực hiện công tác lập kế hoạch kết nối giữa bán hàng và sản xuất (S&OP) với hệ dữ liệu trực quan rõ ràng.
  - ▶ Liên tục thúc đẩy quá trình tự động hóa để giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua triết lý tinh gọn LEAN.
  - ▶ Thực hiện hoạt động Cải tiến Trọng điểm và mô hình Ủy ban Quyết định nhằm phục vụ cho phương thức Vận hành Xuất sắc.
- **Tập trung cho Phát triển sản phẩm mới (NPD) để thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh vững vàng:**
  - ▶ Thiết lập Quy trình Phát triển sản phẩm mới.
  - ▶ Đa dạng hóa sản phẩm.
- **Tăng cường các chức năng hỗ trợ:**
  - ▶ HR (Nhân sự): Phát triển con người (kỹ năng lãnh đạo và hợp tác).
  - ▶ SHE (An toàn – Sức khỏe – Môi trường): Đảm bảo các yêu cầu cơ bản. Áp dụng các mô thức Quản lý an toàn theo quá trình (PSM) và thực hiện ESG.
  - ▶ IT (Công nghệ thông tin): Hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.
  - ▶ Risk Management (Quản lý rủi ro): Lập trình cho sự tuân thủ.

## 6 . Các rủi ro

### 6.1. Rủi ro từ môi trường, hệ thống quản lý nội bộ Công ty

Hệ thống quản lý của công ty được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015. Năm 2022, công ty triển khai áp dụng hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và đã được chứng nhận phù hợp ISO 17025:2017 trong năm 2022 tại Phòng thử nghiệm Bình Minh Bình Dương, và đang triển khai mở rộng áp dụng tại Phòng thử nghiệm Bình Minh Long An. Hệ thống quản lý này tiếp tục phát huy hiệu quả trong các hoạt động, tối thiểu các rủi ro về quản lý của hệ thống.

Bên cạnh các công cụ quản lý tiên tiến đang áp dụng như ERP, CRM, HRM, SCM, 5S, LEAN..., Công ty đã triển khai mạnh mẽ quy

trình Quản lý dự án Cải tiến trọng điểm (FI), góp phần quản trị tối ưu, hạn chế tối đa các rủi ro đối với các dự án triển khai tại Công ty. Tuy nhiên, các hệ thống mới, quy trình mới triển khai hoạt động trong thời gian đầu có thể vận hành chưa được hoàn toàn tương thích, cần có thêm thời gian để đạt kết quả tối ưu.

Đối với các quy định pháp luật về An toàn - Môi trường - Y tế, Công ty thường xuyên cập nhật và triển khai thực hiện đáp ứng. Nếu việc cập nhật các thay đổi không kịp thời có thể làm ảnh hưởng tới việc đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan hữu quan và việc khắc phục sự không phù hợp có thể làm gián đoạn quá trình vận hành.



### 6.2 . Rủi ro từ môi trường kinh doanh

#### RỦI RO TỪ DỊCH BỆNH:

Tuy tình hình đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát tại Việt Nam và thế giới, nhưng vẫn chưa thực sự chấm dứt. Đây vẫn là mối đe dọa về cho chuỗi cung ứng. Hậu quả nặng nề từ Đại dịch vẫn đang ảnh hưởng tiêu cực đến sự phục hồi của nền kinh tế.

#### RỦI RO VỀ GIÁ NGUYÊN LIỆU:

Trong năm 2022, nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất của Trung quốc giảm, nên lượng cung trên thế giới đã cao hơn lượng cầu, dẫn đến giá trung bình nguyên liệu nhựa được điều chỉnh về mức rất tốt. Tu nhiên, khi Trung Quốc mở cửa trở lại, rủi ro giá nguyên liệu được điều chỉnh tăng là khá rõ.

#### RỦI RO VỀ LẠM PHÁT:

Do sự bất ổn của thế giới, nhiều quốc gia đang đứng trước nguy cơ suy thoái và lạm phát nặng nề. Việt Nam tuy vẫn là quốc gia có mức tăng trưởng tốt, nhưng đe dọa

về lạm phát cao vẫn là một thực tế, bằng chứng là Chính phủ luôn cảnh giác điều hành các chính sách lãi vay khá khắc nghiệt để hạn chế lạm phát.

#### RỦI RO VỀ CẠNH TRANH:

Trong điều kiện nhu cầu thị trường bị giảm sút, nhiều doanh nghiệp khác cùng ngành đang tăng mạnh cạnh tranh một cách thiếu bền vững bằng các chính sách giảm giá, thậm chí phá giá để hy vọng tồn tại được qua giai đoạn khó khăn. Một số doanh nghiệp mạnh hơn cũng chạy theo cuộc đua cạnh tranh giảm giá để mong loại bỏ được các đối thủ yếu hơn. Trong hoàn cảnh đó, BMP sẽ chịu nhiều đe dọa về suy giảm thị phần nếu không có đối sách phù hợp.

Ngoài rủi ro trong cạnh tranh với các nhà sản xuất khác, BMP phải đề phòng các rủi ro về sự cạnh tranh trong chính Hệ thống phân phối của mình.

## 6. Các rủi ro (tt)

### 6.3. Rủi ro từ các yếu tố tài chính

Nhựa Bình Minh hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, liên quan mật thiết đến ngành bất động sản nên rủi ro về các chính sách thắt chặt tín dụng bất động sản trong năm 2022 đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong quý 4/2022. Tuy nhiên, nhờ vào thương hiệu sẵn có, nguồn tài chính ổn định đã giúp BMP vượt qua được khó khăn này. Các biện pháp quản lý rủi ro tài chính đang được Bình Minh thực hiện bao gồm:

- Thực hiện quản trị và tăng cường kiểm soát công nợ để giảm thiểu rủi ro không thể thu hồi được nợ.
- Xây dựng quy trình hoạch định ngân sách thông qua các báo cáo quản trị.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và dòng tiền nhằm nâng cao hiệu quả tài chính.

### 6.4. Rủi ro từ môi trường pháp lý

Đối với Nhựa Bình Minh, khi nhắc tới rủi ro từ môi trường pháp lý, có thể hiểu đây là các rủi ro do sự thay đổi trong luật pháp hay các quy định mới mà chính phủ đưa ra sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng một hay một số hoạt động kinh doanh của Công ty, của ngành xây dựng, hay cả một thị trường bất động sản... Việc thay đổi luật hay các quy định bởi Chính phủ hoặc cơ quan quản lý có thể làm tăng chi phí vận hành, giảm sức hấp dẫn trong đầu tư hoặc thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường.

Để phòng tránh các rủi ro này, các văn bản pháp luật và quy định thường xuyên được cập nhật, nghiên cứu, và tư vấn tuân thủ bởi các các nhân viên có chuyên môn về pháp chế và kiểm soát rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý để giảm thiểu các thiệt hại nếu có khi đưa ra các quyết định sai lầm.





## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- |   |    |
|---|----|
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.                         | 50 |
| 2. Tổ chức và nhân sự.  | 52 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.                 | 60 |
| 4. Tình hình tài chính.   | 62 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.              | 69 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty. | 72 |

# 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



Số liệu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2022	Thực hiện		Tỷ lệ %	
				2022	2021	2022/KH	2022/2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.680	5.825	4.565	102,5	127,6
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	101.750	97.749	92.565	96,1	105,6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560	871	268	156	325
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	448	694	214	155	325

- Do các tác động bất ổn từ thị trường xây dựng và bất động sản lớn trong Quý 4/2022, nhu cầu thị trường giảm sút, khiến sản lượng tiêu thụ cả năm có thấp hơn kế hoạch gần 4%.
- Tuy nhiên với chính sách giá bán hợp lý và quản lý tốt giá nguyên vật liệu đầu vào, nên Doanh thu vẫn có sự phục hồi tốt, đặc biệt lợi nhuận đạt mức kỷ lục.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban Điều hành cấp cao:

Trong năm 2022, có 2 thay đổi quan trọng về trong ban điều hành:

- Cuối tháng 04/2022, ông Hồng Lê Việt đã nộp đơn đề nghị HĐQT miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng. HĐQT chấp thuận miễn nhiệm và quyết định bổ nhiệm ông Phùng Hữu Luận – Giám đốc tài chính kiêm nhiệm chức danh Kế toán trưởng.
- Đầu tháng 8/2022 ông Tổng Giám đốc Nguyễn Hoàng Ngân nghỉ hưu nên không tham gia ban Điều hành và chỉ còn nhiệm vụ là Phó Chủ tịch HĐQT. Thay thế vào đó, Hội đồng Quản trị BMP đã bầu một thành viên HĐQT là ông Chaowalit Treejak nguyên Phó Tổng Giám đốc tiếp nhận nhiệm vụ Tổng Giám đốc.



#### Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Tổng Giám đốc (trước 01/8/2022)  
 Năm sinh: 1962  
 Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,  
 Thạc sĩ Quản trị

#### Quá trình công tác :

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐTV – Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐTV NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐTV NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐTV NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến tháng 07/2022: Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc BMP
- Từ tháng 08/2022 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 618.550 cổ phần.

#### Quá trình công tác :

- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh xuất khẩu Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2002: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2003: Trưởng Phòng Kinh doanh – Tiếp thị Công ty Siam Maspion Polymers PT.
- 2006: Trưởng phòng Tiếp Thị Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2007: Giám đốc điều hành Công ty PT. TPC Indoplastic and Chemical
- 2010: Giám đốc kinh doanh nội địa Công ty SCG Chemicals Co., Ltd.
- 2017: Giám đốc kinh doanh xuất khẩu Công ty SCG Chemicals Co., Ltd.
- 2018: Giám đốc điều hành Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- Từ tháng 07/2021- tháng 07/2022: Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Thành viên HĐQT
- Từ tháng 08/2022 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Thành viên HĐQT

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0 cổ phần



#### Ông CHAOWALIT TREEJAK

Tổng Giám đốc (từ 01/08/2022)  
 Năm sinh: 1966  
 Quốc tịch: Thailand  
 Trình độ: Cử nhân hóa



## 2. Tổ chức và nhân sự (tt)

### Danh sách Ban Điều hành cấp cao:



#### Ông NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh  
 Năm sinh: 1971  
 Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,  
 Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác :

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên P. Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP.
- Năm 2006 -2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0 cổ phần.

#### Quá trình công tác :

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 11.709 cổ phần.



#### Ông NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật  
 Năm sinh: 1968  
 Trình độ: Kỹ sư Hóa,  
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



## 2. Tổ chức và nhân sự (tt)

### Danh sách Ban Điều hành cấp cao:



**Ông HỒNG LÊ VIỆT**

Kế toán trưởng (đến 25/04/2022)  
 Năm sinh: 1966  
 Trình độ: Cử nhân kinh tế

#### Quá trình công tác :

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến 2021: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP.
- 2021 - 2022: Kế toán trưởng BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 03 cổ phần.

#### Quá trình công tác :

- 1998: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2011: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2021: Giám đốc Tài chính Kế toán BMP.
- 4/2022 - nay: Giám đốc Tài chính Kế toán, kiêm Kế toán trưởng BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 10.000 cổ phần.



**Ông PHÙNG HỮU LUẬN**

Kế toán trưởng (Từ 26/04/2022)  
 Năm sinh: 1976  
 Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán.

## 2. Tổ chức và nhân sự (tt)

### Những thay đổi về phòng ban chức năng :

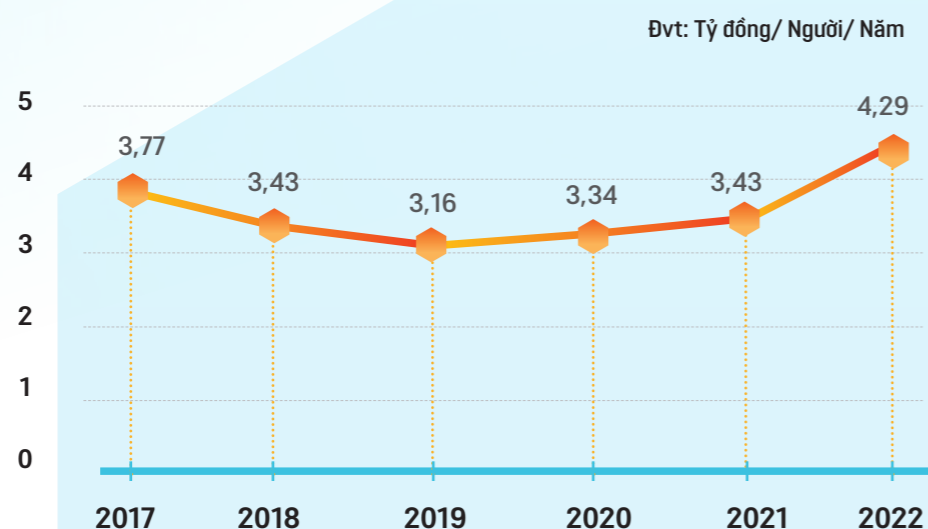
Các phòng ban chức năng được giữ ổn định để cần thiết trong vận hành sản xuất.

### Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Lao động bình quân (chính thức) năm 2021 là: 1.395
- Lao động bình quân (chính thức) năm 2022 là: 1.358

### Năng suất lao động:

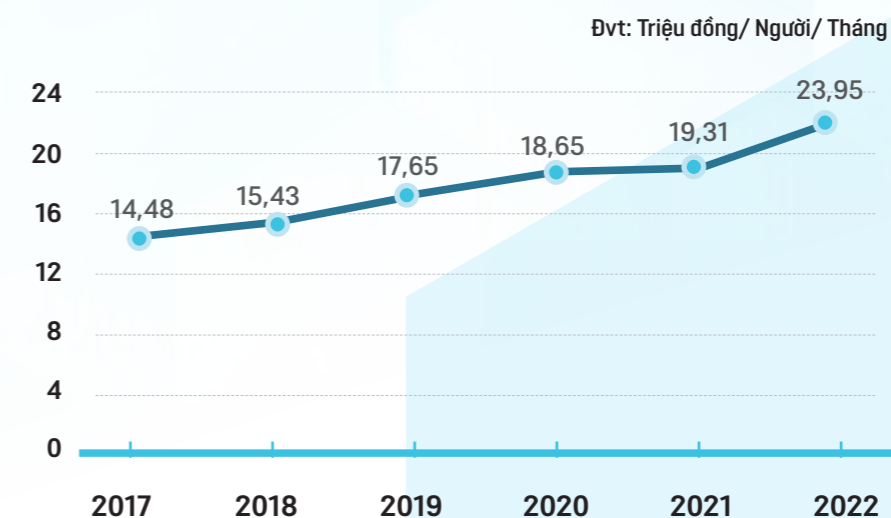
#### NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN



Sau đại dịch Covid-19, một phần lực lượng lao động trên cả nước có nhu cầu thay đổi nơi ở và làm việc, dẫn đến thiếu hụt lao động cục bộ. Để chủ động thích ứng, Công ty đã triển khai các dự án cải tiến trọng điểm nâng cao năng suất và điều kiện làm việc, bên cạnh việc tái bố trí, sắp xếp lại lao động hợp lý, giải pháp này đã góp phần tăng năng suất lao động bình quân theo doanh thu 2022 đến 25% so với năm trước.

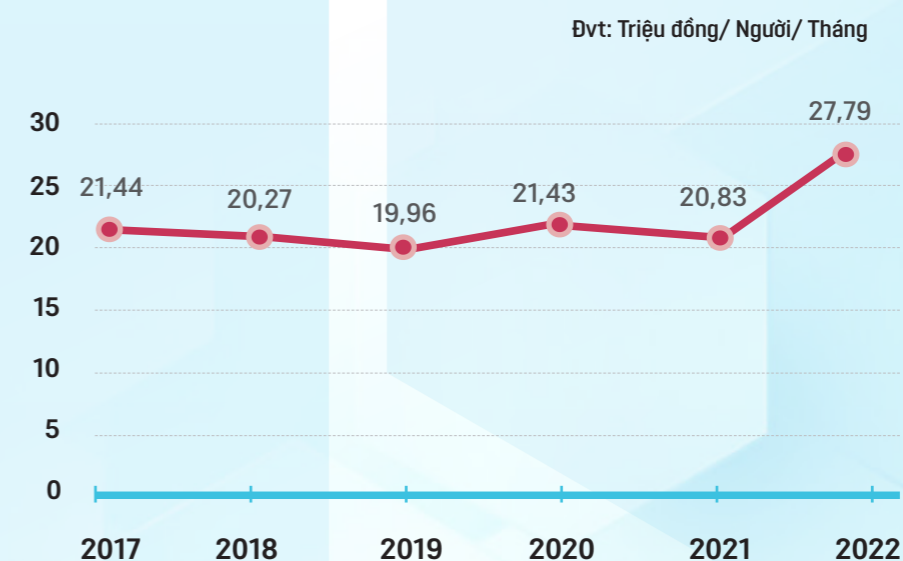
### Lương bình quân của người lao động:

#### LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:



Cùng với sự tăng trưởng về năng suất lao động, mức lương bình quân của người lao động tại Công ty đã tăng đến 24% trong năm qua. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để người lao động gắn kết với Công ty và khuyến khích họ phát huy các sáng kiến, cải tiến công việc thêm hiệu quả.

#### THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:



Với kết quả tăng trưởng kỷ lục về lợi nhuận năm 2022, Công ty cũng đã thực hiện những chính sách thưởng xứng đáng nhằm hài hòa lợi ích và ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của toàn thể người lao động vào hiệu quả hoạt động của công ty. Điều này được thể hiện rất rõ ràng qua tỷ lệ thu nhập bình quân 2022 của người lao động tăng lên đến hơn 33%.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2022 đã chi 84 tỷ đồng đầu tư chủ yếu cho các dự án tự động hóa trong sản xuất và hiện đại hóa hệ thống kho bãi, giao nhận hàng hóa, và một số sản phẩm mới. .

#### b. Các công ty con, công ty liên kết:

##### Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM):

TT	Chỉ tiêu	Năm		Tăng trưởng
		2022	2021	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	409	405	1%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	35	31	12%

Năm 2022 tiếp tục là năm nhiều khó khăn và thử thách với Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM) do chính sách thắt chặt tín dụng bất động sản đặc biệt trong những tháng cuối năm và sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đối thủ tại thị trường Miền Bắc. Tuy vậy, với sự hậu thuẫn rất lớn từ BMP, NBM vẫn tăng trưởng được 1% doanh số và 12 % lợi nhuận trước thuế so với cùng kỳ.

##### Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC):

TT	Chỉ tiêu	Năm		Tăng trưởng
		2022	2021	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	22	49	(55%)
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	(15,6)	6	

- Hoạt động di dời nhà máy đã làm gián đoạn sản xuất trong thời gian dài, dẫn đến các khách hàng đã chuyển qua sử dụng sản phẩm của nhà sản xuất khác cùng phân khúc. Thiết bị cũ sau di dời gặp nhiều trục trặc, chưa thật sự ổn định về chất lượng cũng là yếu tố cản trở khách hàng quay lại.
- Vừa bước ra khỏi đại dịch với nhiều hậu quả còn chưa kịp khắc phục, thì thiên tai bão lũ liên tục ập đến khu vực Miền Trung, cản trở sự phục hồi kinh tế và nhu cầu thị trường ở khu vực này.

Dưới tác động của các khó khăn trên, doanh thu 2022 của DPC đã giảm hơn 55% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong năm 2022, Cơ quan Thuế thành phố Đà Nẵng sau khi tính toán lại còn buộc DPC phải thanh toán thêm gần 15 tỷ đồng tiền thuế đất bổ sung cho 3 năm trước đó, dẫn đến DPC bị lỗ lũy kế cả năm 15,6 tỷ đồng.



##### Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt (BMV):

Hiện BMP đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông khác để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHCĐ từ năm 2017.

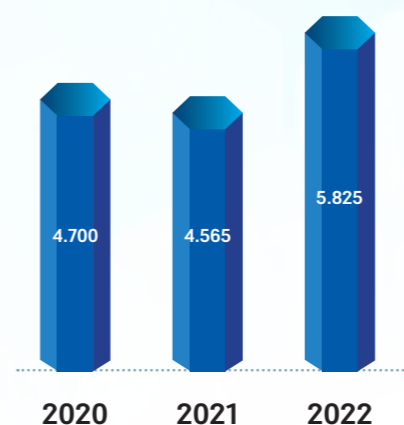
## 4. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính:

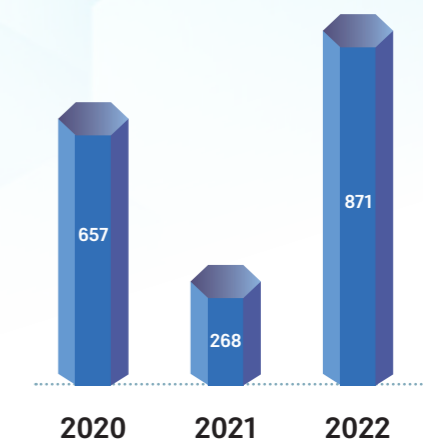
Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)</b>				
Doanh thu	Tỷ đồng	4.700	4.565	5.825
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.686	4.553	5.808
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.247	704	1.608
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	549	369	632
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	698	335	976
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	(45,6)	(65,4)	(102,4)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	2,3	(3,6)	3,3
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	1,7	2,3	(4,9)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	657	268	871
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	523	214	694
<b>Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)</b>				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	3023	2838	3045
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	819	819	819
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2472	2293	2621
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>				
Biên lợi nhuận gộp	%	26,6%	15,5%	27,7%
Biên lợi nhuận trước thuế	%	14,0%	5,9%	15,0%
ROS	%	11,2%	4,7%	11,9%
ROA	%	17,8%	7,3%	23,6%
ROE	%	21,2%	9,0%	28,3%
<b>Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu</b>				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	81.860.938	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	6.384	2.619	8.481
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	VNĐ	30.192	28.017	32.022
Cổ tức (*)	VNĐ	6.320	2.600	3.100
Giá thị trường thời điểm cuối năm	VNĐ	62.600	59.900	60.000

\* Cổ tức của 2022 mới được tạm ứng - Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2020\_2022

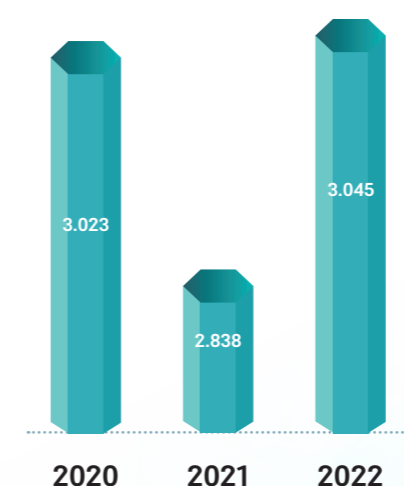
DOANH THU (tỷ đồng)



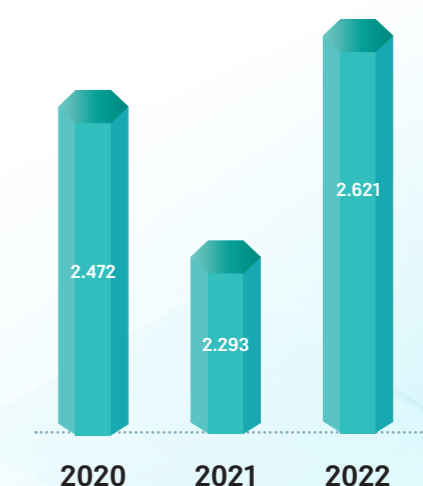
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



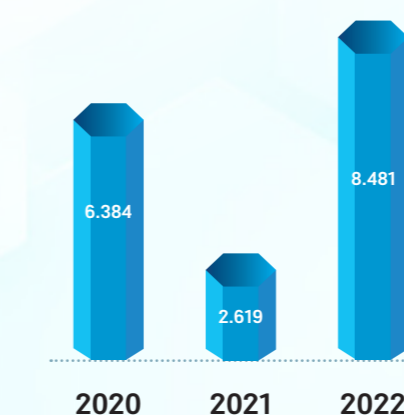
TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



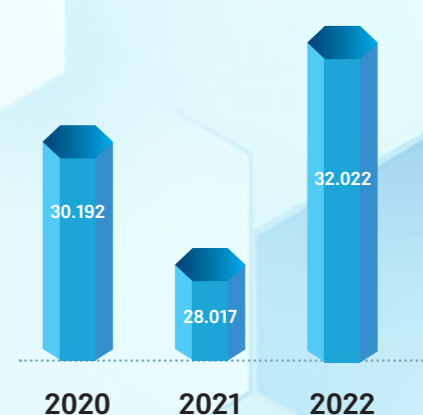
VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)



LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (VNĐ)



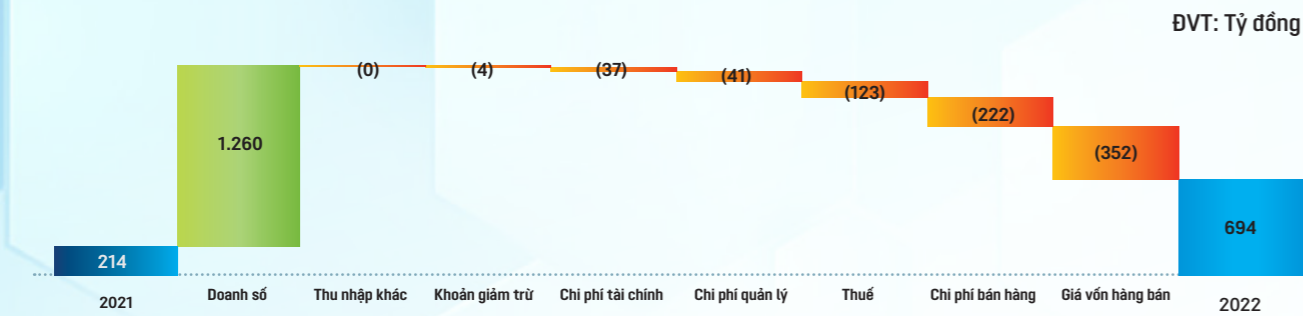
GIÁ TRỊ SỔ SÁCH 1 CỔ PHIẾU (VNĐ)



## 4. Tình hình tài chính (tt)

### Tổng quan về tình hình tài chính

#### BIẾN ĐỘNG CỦA LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2022

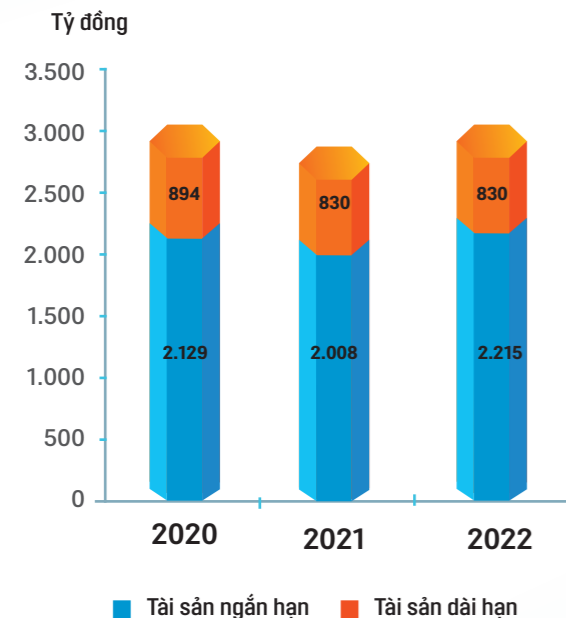


Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán BMP 2022

Năm 2022 là năm thành công rực rỡ của Nhựa Bình Minh trong hành trình 45 năm qua. Lần đầu tiên trong suốt thời gian hoạt động, lợi nhuận sau thuế đạt 694 tỷ đồng, gấp 3,25 lần so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 155 % so với kế hoạch năm. Sau hai năm ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19, BMP đã củng cố vị thế của mình trên thị trường vật liệu xây dựng bằng sự đồng lòng, cùng nhau phát triển của Ban lãnh đạo, toàn thể cán bộ công nhân viên và các bên liên quan khi môi trường kinh doanh gặp khó khăn.

### CẤU TRÚC TÀI SẢN CÔNG TY

#### CƠ CẤU TÀI SẢN

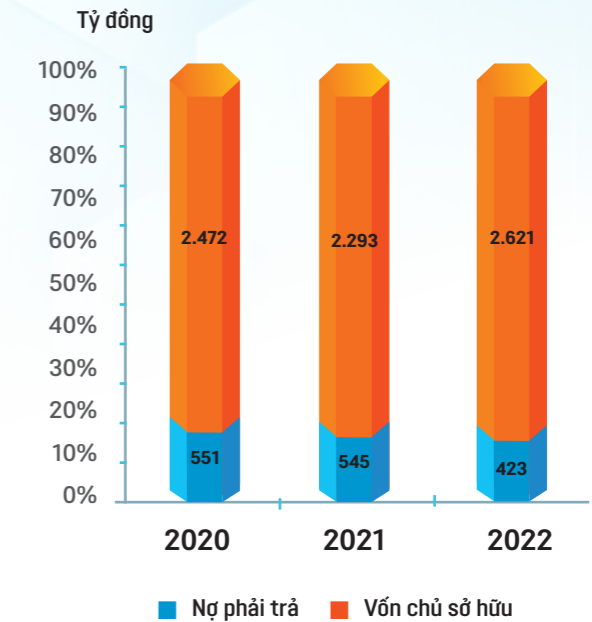


Nguồn vốn lưu động dưới dạng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng 60% trong cơ cấu, đáp ứng nhanh toàn bộ nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hàng tháng, BMP đang kiểm soát nhu cầu vốn lưu động một cách chặt chẽ bằng việc cập nhật, phân tích dữ liệu theo thời gian thực và định kỳ nhằm kiểm soát, cải tiến hoạt động quản lý ngày càng tốt hơn.

Tổng tài sản tăng khoảng 7% so với năm trước. Công ty vẫn duy trì đầu tư thêm máy móc đã hết khả năng khai thác, tăng cường thêm một số dây chuyền tự động hóa nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm theo định hướng nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy toàn cầu.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

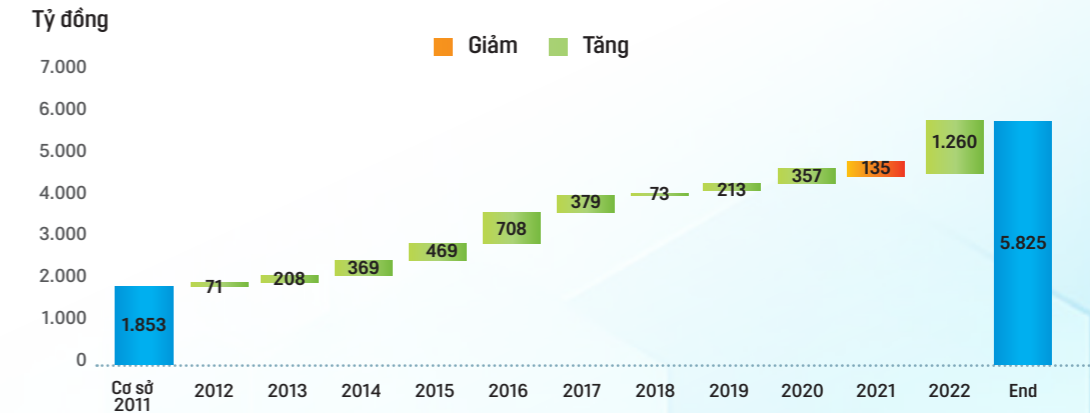


Năm 2022, tỷ trọng vốn chủ sở hữu so với nợ phải trả của BMP gấp 6,3 lần thể hiện một cơ cấu tài chính mạnh và ổn định, đặc biệt trong giai đoạn lạm phát và lãi suất cao như hiện nay.

### DOANH THU, CHI PHÍ

#### Doanh thu

#### BIẾN ĐỘNG DOANH THU 2012 - 2022



Trong năm 2022, doanh thu của BMP đạt 5.825 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với năm 2021, vượt kế hoạch doanh số đề ra. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, BMP đã rất chú trọng đến công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm theo hướng đa dạng hóa dựa trên năng lực cốt lõi của Công ty, tăng cường mở rộng thị trường trong nước thông qua việc mở rộng hệ thống phân phối, áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt cho cả khách hàng đại lý và khách hàng công trình là một trong những nguyên nhân chính giúp gia tăng doanh số của BMP.

Nhằm đáp ứng nhu cầu dân dụng, BMP đã phát triển thành công dòng sản phẩm theo tiêu chuẩn mới trong năm 2022. Cùng với đó, Công ty đã tổ chức hàng loạt hội thảo, chính sách hỗ trợ Miền Trung và Tây Nguyên, một số tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long để phát triển thị phần, mang sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng.

## 4. Tình hình tài chính (tt)

Nhằm đáp ứng nhu cầu dân dụng, BMP đã phát triển thành công dòng sản phẩm theo tiêu chuẩn mới trong năm 2022. Cùng với đó, Công ty đã tổ chức hàng loạt hội thảo, chính sách hỗ trợ Miền Trung và Tây Nguyên, một số tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long để phát triển thị phần, mang sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng.

### Chi phí

#### Cơ cấu chi phí 2020-2022

Chỉ tiêu	2020	2021	2022
Giá vốn hàng bán /Doanh thu thuần	73,4%	84,5%	72,3%
Chi phí bán hàng /Doanh thu thuần	10,4%	6,2%	8,7%
Chi phí quản lý /Doanh thu thuần	1,4%	1,9%	2,2%
Chi phí tài chính /Doanh thu thuần	2,6%	2,7%	2,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất BMP 2020-2022

Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần của BMP giảm mạnh so với năm 2021, từ 84,5% năm 2021 xuống còn 72,3% năm 2022. Nguyên nhân là giá nguyên liệu chính bình quân giảm mạnh. Hơn nữa, do công tác quản lý tồn kho tốt, BMP đã tính toán để đặt hàng, dự trữ hàng tồn kho hợp lý đã giúp cho chi phí giá vốn hàng bán giảm, gia tăng lợi nhuận Công ty.

Cấu trúc chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu thuần của BMP nhìn chung không có nhiều thay đổi qua các năm, chỉ trừ năm 2021 bị ảnh hưởng nặng nề do Covid 19. Các thành phần chi phí này chủ yếu đến từ chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng nhằm

đẩy mạnh doanh số, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Cho đến hiện nay, BMP không dùng đòn bẩy tài chính nên chi phí tài chính chủ yếu từ chính sách chiết khấu thanh toán ngay cho khách hàng. BMP luôn theo đuổi mục tiêu tiết kiệm chi phí, nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, giảm chi phí quản lý, mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, BMP luôn cam kết vì lợi ích khách hàng, liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt đã mang lại kết quả vượt kế hoạch đề ra.



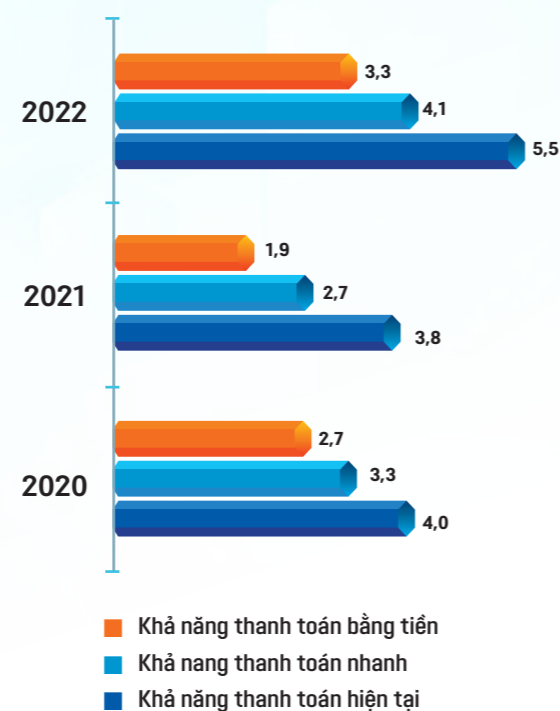
## 4. Tình hình tài chính (tt)

### Khả năng thanh toán

Tại thời điểm cuối năm, nguồn tiền mặt và tiền gửi trên 1.000 tỷ đồng, hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 5,5, hệ số thanh toán nhanh là 4,1, cao nhất trong giai đoạn 2020 – 2022.

Với lợi thế về khả năng thanh toán, BMP đã tận dụng để mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung ứng với chính sách tốt, gia tăng hiệu quả kinh doanh.

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN 2020 - 2022



### Khả năng sinh lợi

Chỉ tiêu	2022	2021	2020
Biên lợi nhuận gộp	27,7%	15,5%	26,6%
Biên lợi nhuận trước thuế	15,0%	5,9%	14,0%
Biên lợi nhuận sau thuế	12,0%	4,7%	11,2%
ROA	23,6%	7,3%	17,8%
ROE	28,3%	9,0%	21,2%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất BMP 2020-2022

Với mục tiêu luôn kiểm soát tốt chi phí, trong 100 đồng doanh thu BMP tạo ra năm 2022 thì thu được 15 đồng lợi nhuận trước thuế, 12 đồng lợi nhuận sau thuế. Tất cả các chỉ tiêu về suất sinh lợi trong năm 2022 đều rất khả quan nhờ vào yếu tố khách quan là giá nguyên liệu giảm và khả năng kiểm soát tốt chi phí.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần

	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022
Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

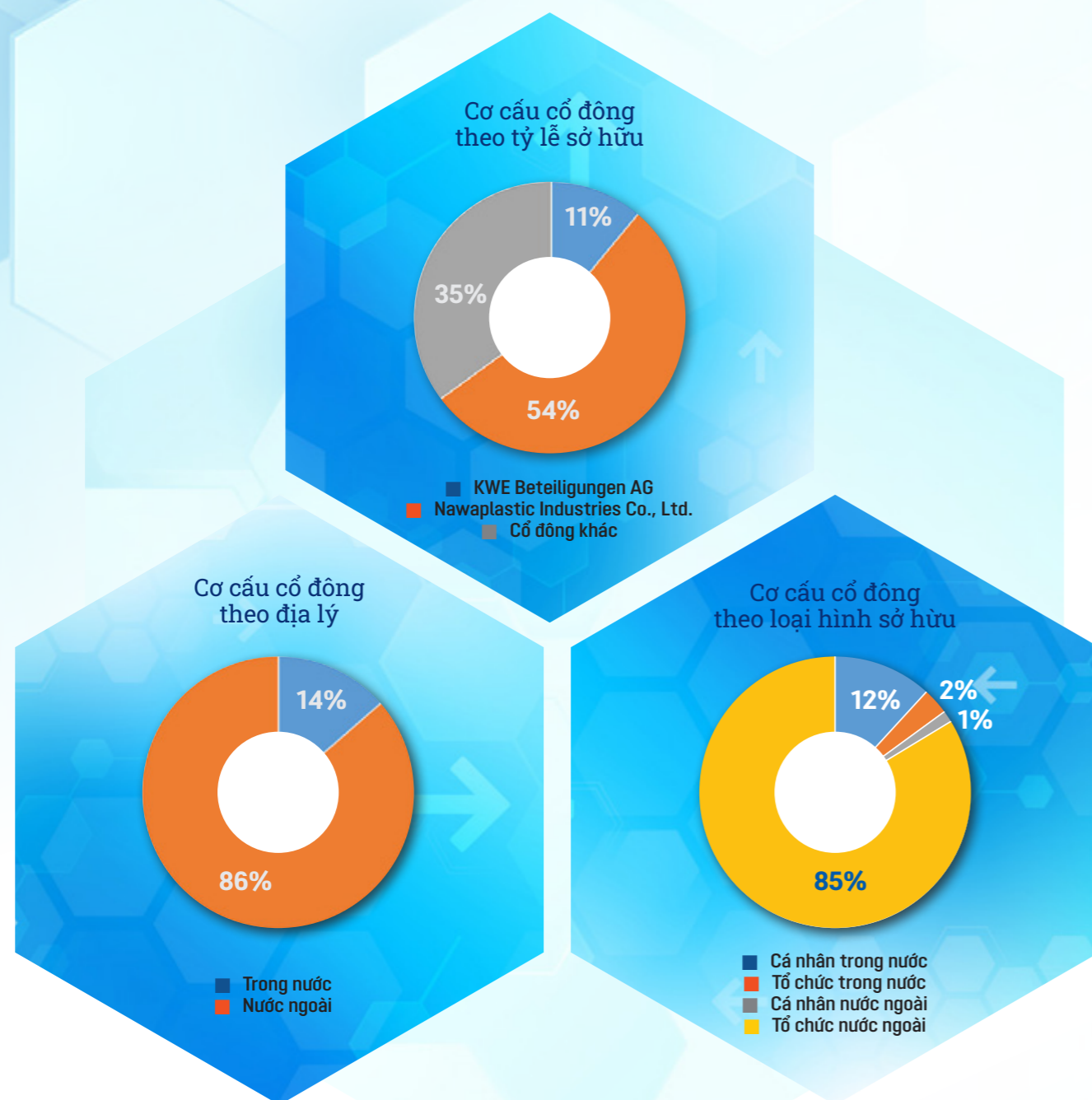
### b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Thời điểm 31/12/2020		Thời điểm 31/12/2021		Ghi chú
	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %	
Cổ đông Nhà nước	19.983	0,024	19.983	0,024	Tổ chức trong nước
Hội đồng Quản trị	618.550	0,75	618.550	0,756	Cá nhân trong nước
Ban Kiểm soát	14.040	0,01			
Cá nhân trong nước	10.916.877	13,33	9.529.113	11,641	
Tổ chức trong nước	1.045.733	1,277	1.818.340	2,221	
Cá nhân nước ngoài	1.144.249	1,398	961.732	1,175	
Tổ chức nước ngoài	68.101.506	83,192	69.551.753	84,963	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.860.938</b>	<b>100,00</b>	<b>82.499.471</b>	<b>100,00</b>	

Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2022

Stt	Họ tên	Loại cổ đông	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	NAWAPLASTIC INDUSTRIES CO., LTD.	Tổ chức	Nước ngoài	44.589.811 54,470
2	KWE BETEILIGUNGEN AG	Tổ chức	Nước ngoài	8.880.208 10,848

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tt)



c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



### 6.1. Tác động lên môi trường:

#### a. Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

Hiện nay, các chương trình giảm phát thải khí nhà kính đang là trọng tâm của Việt Nam thông qua các sửa đổi về Luật, Nghị định về Bảo vệ Môi trường. Trong đó có các quy định về việc báo cáo, kiểm kê GHG và thực hiện các kế hoạch nhằm giảm thiểu nguồn phát thải, qua đó giảm các tác động của môi trường từ khí nhà kính trong các đơn vị sản xuất, dịch vụ.

Năm 2022, tổng lượng phát thải khí nhà kính (tính theo quy đổi) là: 38.188 tấn CO<sub>2</sub> eq, trong đó:

- Lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp (GHG-Scope 1): 751 tấn CO<sub>2</sub> eq
- Lượng phát thải khí nhà kính gián tiếp (GHG-Scope 2): 37.437 tấn CO<sub>2</sub> eq

Trong quá trình hoạt động kinh doanh sản xuất, nhiên liệu sử dụng cho việc vận chuyển hàng hoá nội bộ và sinh hoạt tại công ty không nhiều nên lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp chiếm tỷ trọng thấp. Tuy nhiên, điện năng là nguồn năng lượng chủ yếu được sử dụng tại công ty, đây là nguồn phát thải khí nhà kính gián tiếp và chiếm tỷ trọng cao trong tổng số GHG của toàn bộ công ty.

Công ty đã quan tâm và triển khai các công tác giảm thiểu ở bước đầu là thống kê GHG, từ đó, thúc đẩy các giải pháp sáng kiến cải tiến liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

### b. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Thông qua việc áp dụng các chính sách môi trường nhất quán, Công ty hằng năm đều có các chương trình, hoạt động sáng kiến về bảo vệ môi trường. Hiện nay, việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính đã có nhiều dự án cải tiến trọng điểm và đã có được những thành quả nhất định thông qua các sáng kiến giải pháp như sau:

- Nhận diện, thống kê đầy đủ các nguồn phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý chuỗi cung ứng như giảm thiểu việc sản xuất, tồn kho dư thừa, giảm thiểu quãng đường mua sắm vật tư, trang thiết bị, tối ưu hóa vận chuyển hàng hoá nội bộ và bên ngoài.
- Tiết giảm suất điện năng tiêu thụ thông qua triển khai các hoạt động:
  - ▶ Sử dụng các công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động đầu tư trang thiết bị;
  - ▶ Tối đa hoá việc sử dụng các biến tần cho các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và cả các thiết bị phụ trợ;
  - ▶ Thay thế các vật tư, thiết bị điện có hiệu suất sử dụng cao và tiết kiệm điện trong toàn bộ các nhà máy;
  - ▶ Lắp đặt các cảm biến nhiệt độ cho các thiết bị giải nhiệt.

### Các kết quả thực hiện được trong 2022:

- Đã thống kê đầy đủ số liệu GHG năm 2022, đang tiếp tục duy trì trong năm 2023.
- Đã triển khai giải pháp sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính nêu trên, kết quả thực hiện sẽ rõ ràng hơn và sẽ được tổng hợp đánh giá định kỳ trong năm 2023.



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

#### a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chính:

Năm 2022, tổng lượng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 101.690 tấn.

Trong đó, BMP sử dụng: 94.780 tấn và NBM là 6.910 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.

#### b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được sử dụng tái chế để sản xuất sản phẩm:

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu tái chế từ sản phẩm không phù hợp về ngoại quan trong quá trình sản xuất tại công ty, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài. Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Toàn bộ sản phẩm Nhựa Bình Minh đã sử dụng hoàn toàn hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an sức khỏe toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường.

Sản phẩm ống Nhựa Bình Minh được Tổ chức WRASS (Anh Quốc) đã cấp chứng nhận: Sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu phù hợp cho dẫn nước uống và nước sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế, được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD.



### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

#### a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng. Nguồn điện này được mua từ các Công ty Điện lực Quốc Gia.

Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

#### b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Nhất quán với mục tiêu phát triển bền vững, công ty tiếp tục duy trì chính sách môi trường bao gồm các hoạt động cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, chính sách này đã được mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện với nhiều hiệu quả trong nhiều năm qua.

Tuy nhiên, năm 2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn tuân thủ các hoạt động phòng chống dịch của chính phủ, sự gián đoạn quá trình sản xuất trong nửa đầu năm và hồi phục quá trình sản xuất trong nửa cuối năm đã làm tăng suất tiêu hao điện năng toàn công ty khoảng 7,8% so với 2021. Công ty sẽ tiếp tục xem xét triển khai các hoạt động cải tiến để giảm chỉ số suất tiêu hao này trong 2023.

Các kết quả ghi nhận so với những năm trước như sau:



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

### c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2022, công ty đã triển khai dự án trọng điểm liên quan đến sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả thực hiện các dự án này đã mang lại tổng số tiền làm lợi liên quan đến tiết kiệm năng lượng lên đến 2,76 tỷ đồng.

Công ty tiếp tục nghiên cứu và triển khai các dự án trọng điểm mới liên quan đến tiết kiệm năng lượng trong năm 2023.

### d. Các hoạt động liên quan đến sử dụng nguồn năng lượng tái tạo:

Do đặc thù công nghệ sản xuất, nguồn năng lượng tiêu thụ tại công ty (điện năng) chưa thể tái tạo.

Tuy nhiên, công ty cũng đã có các hoạt động nhằm tiết giảm tối đa năng lượng tiêu thụ thông qua các giải pháp cải tiến nhằm tiết giảm đạt tối ưu lượng điện tiêu thụ.

## 6.4. Tiêu thụ nước:

### a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước như: Sawaco, Biwase, ...

Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm đối đa đối với lượng nước sử dụng.



Năm 2022, các ghi nhận về suất tiêu thụ nước như sau:



Suất nước tiêu thụ năm 2022 giảm chỉ còn: 0,74 m<sup>3</sup> cho mỗi tấn sản phẩm, thấp nhất trong giai đoạn 2018-2022. Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất nước tiêu thụ năm 2022 so với 2021:	14,3	%
Lượng nước tiêu thụ năm 2022 tiết giảm tương đương:	12.021	m <sup>3</sup>
Đơn giá bình quân năm 2022 tại công ty:	16.406	Đồng/m <sup>3</sup>
<b>Tổng tiền tiết kiệm:</b>	<b>197.216.000</b>	<b>Đồng</b>

### b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nguồn nước được công ty sử dụng cho các mục đích:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt này được xử lý đáp ứng theo quy định của pháp luật.
- Nước dùng cho sản xuất: Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty.

Tuy nhiên, toàn bộ 100% lượng nước thải dùng cho sản xuất này đều được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)



### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty rất quan tâm đến các hoạt động bảo vệ môi trường, cải thiện môi trường lao động ngày càng tốt hơn và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

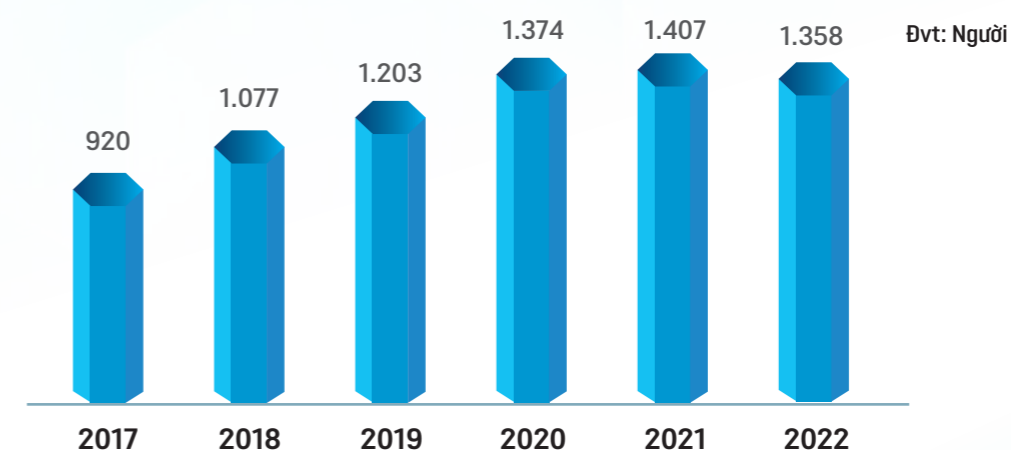
Công ty đã áp dụng và duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, được Quacert đánh giá giám sát định kỳ và duy trì chứng nhận. Với hệ thống quản lý này, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại nhiều hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo đó: Các hoạt động đo đạc quan trắc môi trường và đo kiểm vi khí hậu môi trường lao động theo quy định pháp luật đều được thực hiện bởi bên thứ ba có thẩm quyền. Tất cả các chỉ tiêu đều có kết quả trong giới hạn cho phép và Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận vi phạm liên quan đến các quy định của Luật pháp về bảo vệ môi trường trong năm 2022.

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a. Số lượng lao động

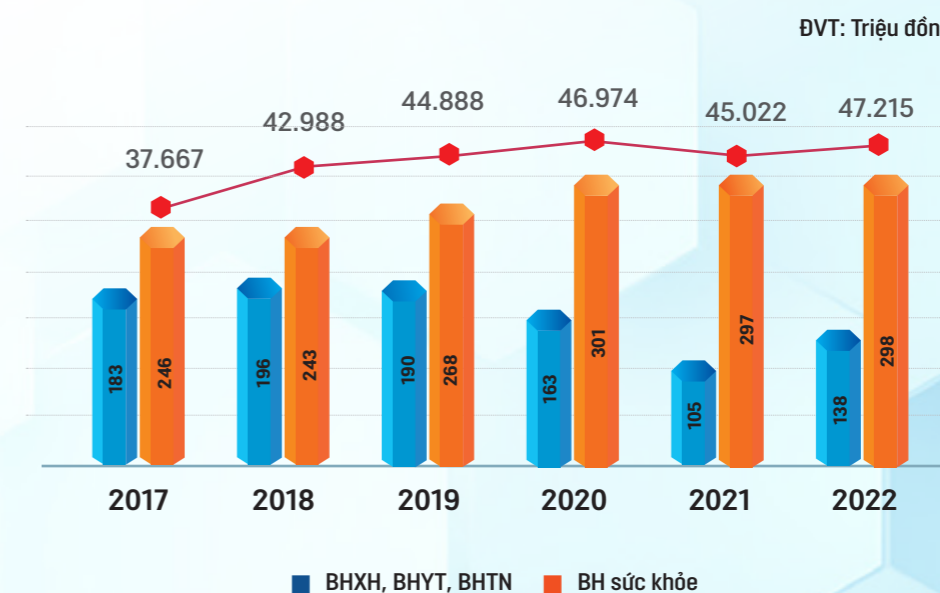
NHÂN SỰ TỪ 2017 - 2022



Trong năm 2022, bên cạnh các hoạt động cải tiến, tự động hóa trong quy trình sản xuất, Công ty đã thực hiện bố trí, sắp xếp lại lao động để tối ưu nguồn lực. Vì vậy, tuy số lượng lao động giảm nhưng vẫn đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả.

#### b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

PHÚC LỢI BẢO HIỂM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



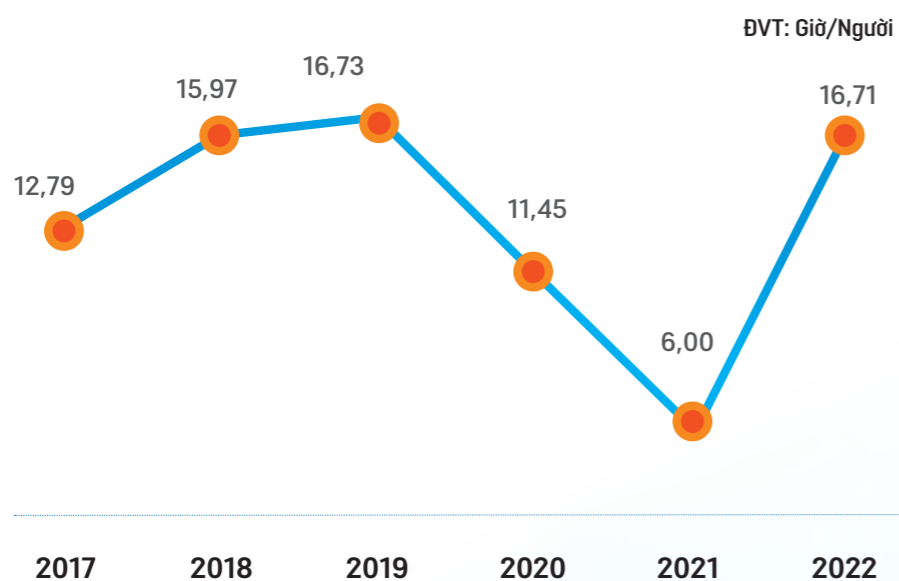
## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

Để đảm bảo nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, việc chăm lo sức khỏe vật chất và tinh thần cho người lao động luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Chính vì vậy, trong năm 2022 Nhựa Bình Minh đã triển khai nhiều hoạt động cải thiện sức khỏe và tinh thần cho người lao động thông qua:

- Triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động 02 lần/ năm.
- Tổ chức 3 kỳ nghỉ dưỡng kết hợp nhiều hoạt động xây dựng đội nhóm.
- Tổ chức Hội thao, thi nấu ăn, biểu diễn văn nghệ ... với sự hưởng ứng nhiệt tình của gần như toàn bộ cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức các lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hàng năm và thực hiện những buổi chia sẻ về văn hóa an toàn đồng bộ với định hướng của tập đoàn SCG. Điều này góp phần đưa "văn hóa an toàn" dần lan tỏa đến nhiều lĩnh vực và mọi vị trí công việc.
- Ngoài ra trong năm qua, các chính sách về phúc lợi cho người lao động cũng đã được cập nhật, điều chỉnh kịp thời, hợp lý như quy chế tiền lương, chế độ bồi dưỡng, thù lao ..., đã góp phần nâng cao sức khỏe và tinh thần cho người lao động.

### c. Hoạt động đào tạo người lao động

THỜI GIAN ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

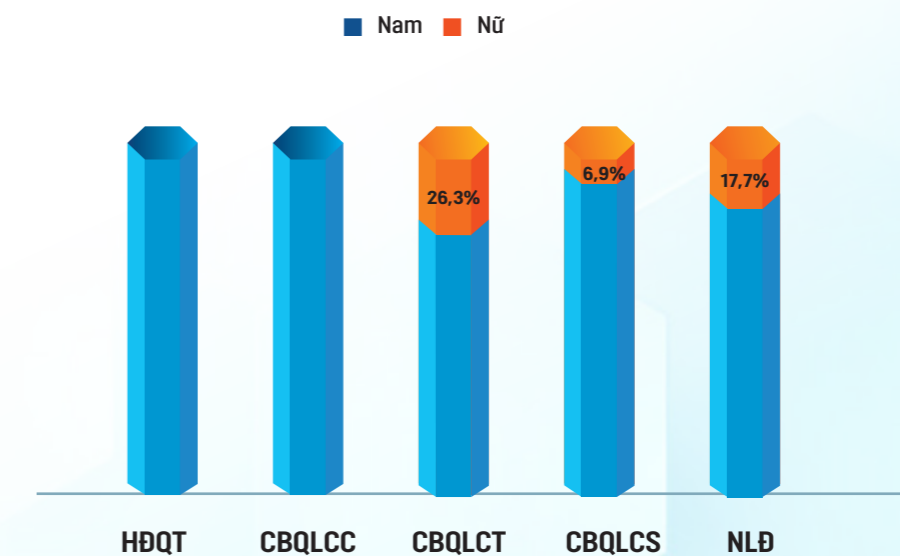


- Các chương trình “Phát triển kỹ năng” và “Học tập liên tục” đã hỗ trợ thiết thực người lao động làm chủ được công việc và phát triển sự nghiệp.
- Nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng với những thay đổi nhanh chóng trong giai đoạn hiện nay, hoạt động đào tạo tại Nhựa Bình Minh trong năm vừa qua đã được đẩy mạnh nhanh chóng. Thời gian đào tạo trung bình tăng lên gần gấp ba lần, chủ yếu tập trung vào các nội dung về cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng của người lao động, bên cạnh đó là các chủ đề về an toàn, vận hành xuất sắc và lãnh đạo. Cùng với đó, Công ty cũng đã tổ chức, cử nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, kiến thức kinh doanh, lãnh đạo của các đối tác uy tín và chương trình chung của tập đoàn. Nhựa Bình Minh cũng đang dần hoàn thiện lộ trình đào tạo cho từng nhóm nhân viên theo các vị trí công việc trên cơ sở từ điển năng lực đã được ban hành và áp dụng.

### d. Các chính sách liên quan đến bình đẳng

Số liệu Tỷ lệ giới trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLD:

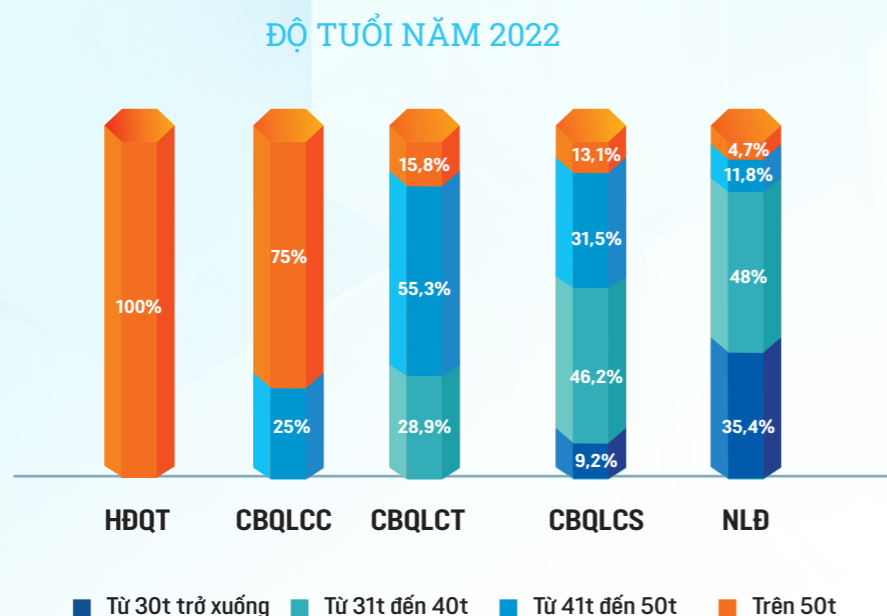
TỶ LỆ GIỚI NĂM 2022



Hoạt động sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa là chính nên tỷ lệ lao động nữ khá thấp. Dù vậy, bình đẳng giới trong môi trường làm việc luôn được Công ty chú trọng. Điều này được thể hiện rõ ràng trong các chính sách từ tuyển dụng, phát triển tài năng, cho đến thù lao, lương, thưởng...không phân biệt về giới tính. Tất cả người lao động đều được tiếp cận các cơ hội và nguồn lực giống nhau trong công việc và phát triển sự nghiệp.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

Số liệu liên quan độ tuổi trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLĐ:



Nhựa Bình Minh đang dần tiến đến trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý trong suốt thời gian vừa qua thể hiện bằng sự tham gia của độ tuổi từ 30 trở xuống trong nhóm quản lý cấp cơ sở cũng như từ 40 trở xuống đối với nhóm quản lý cấp trung.

Với gần 80% lực lượng lao động có độ tuổi đến 40, Công ty đang có cơ cấu “vàng” về nguồn nhân lực theo độ tuổi lao động để có thể tận dụng, phát huy nguồn năng lượng, nhiệt huyết của tuổi trẻ, đáp ứng cho hoạt động và phát triển bền vững.

Các hoạt động, chính sách đảm bảo bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng thuộc các nhóm số ít, yếu thế trong Công ty:

Đảm bảo bình đẳng trong mọi chính sách luôn là chủ trương nhất quán được duy trì qua các năm. Điều này vừa đảm bảo mối quan hệ hài hòa trong lực lượng lao động, vừa tạo sự bình đẳng cho mỗi nhân viên trong phát triển năng lực, nâng cao hiệu quả công việc để khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Theo đó:

- Chính sách thưởng, phúc lợi luôn căn cứ vào phạm vi và trách nhiệm của từng chức danh cũng như kết quả thực hiện công việc hay thành quả của những sáng tạo, cải tiến trong công việc của mỗi một cá nhân người lao động bất kể giới tính, cấp bậc nhân viên.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn dựa trên tiêu chuẩn năng lực từng vị trí. Theo đó, mỗi cán bộ công nhân viên đều được tham gia các chương trình đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, phù hợp với định hướng Công ty cũng như mong muốn về lộ trình phát triển của bản thân người lao động.
- Tổ chức các buổi chia sẻ, giới thiệu về nội dung bình đẳng giới trong môi trường làm việc. Đào tạo các quy định của pháp luật lao động liên quan đến bình đẳng trong tuyển dụng và việc làm, tuyên truyền các quy định về phòng chống quấy rối tình dục, ...Ngoài ra, Công ty còn quan tâm những quyền lợi riêng cho người lao động nữ như các hoạt động chào mừng các ngày 8/3, 20/10; mở các lớp tập Yoga ...

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

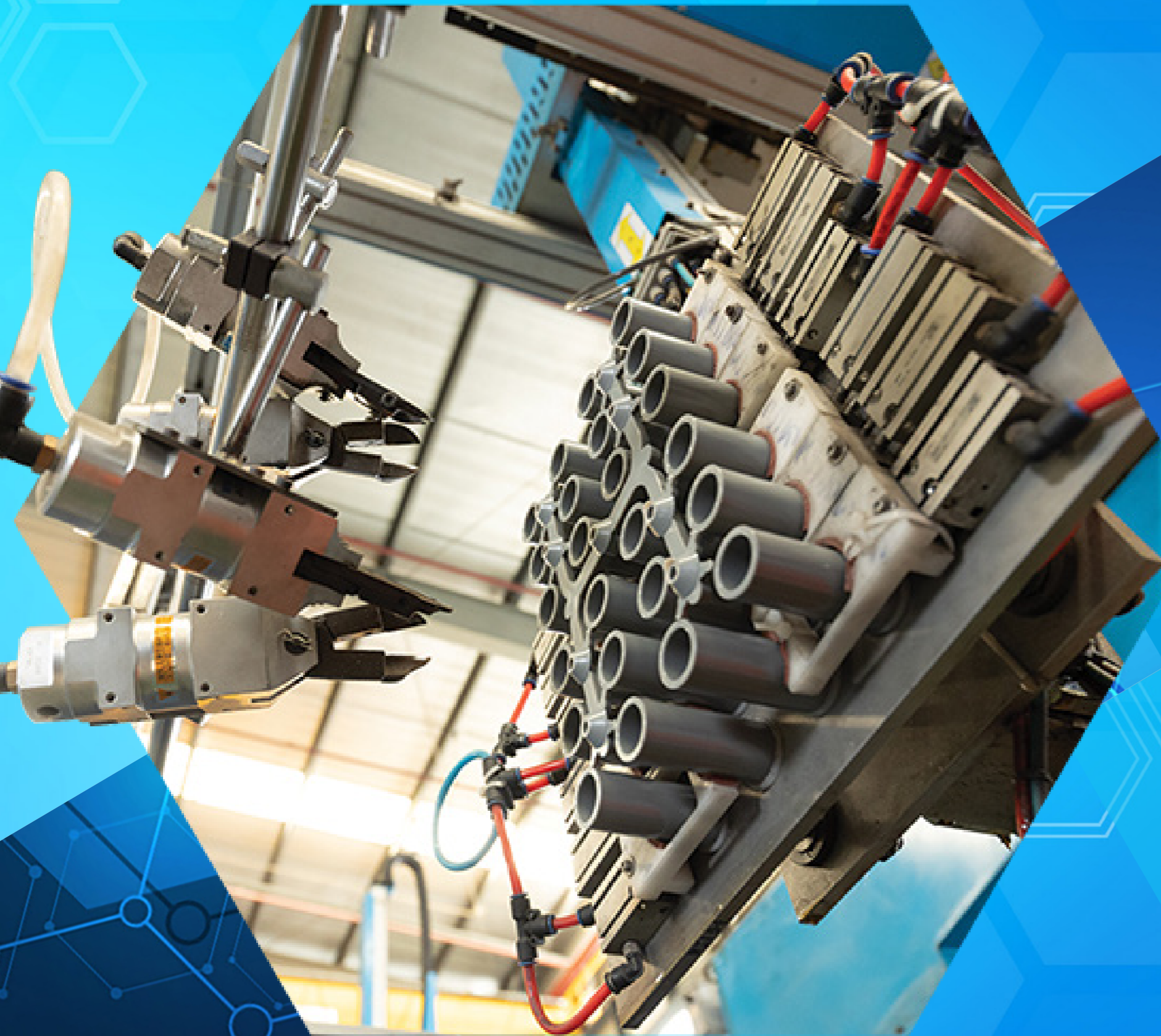
Sau Đại dịch, cộng đồng xung quanh gặp nhiều khó khăn hơn. Công ty đã cố gắng tổ chức một số hoạt động mới, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, nổi bật là:

Các Hoạt động CTXH 2022	Giá trị (VNĐ)
Hỗ trợ chăm lo Tết cho người nghèo tại địa phương	180.000.000
Hỗ trợ nuôi dưỡng lâu dài 1 mẹ VNAH và 4 trẻ mồ côi	49.200.000
Hỗ trợ trực tiếp các trường hợp khó khăn trong và ngoài Công ty	473.000.000
Chăm lo cho thể hệ trẻ	206.000.000
Đóng góp cùng các tổ chức đoàn thể khác cùng thực hiện CTXH	285.000.000
Đóng góp phòng chống thiên tai, bão lụt	201.235.000
Tài trợ học bổng cho sinh viên, học sinh	65.000.000
Hỗ trợ sửa chữa 1 nhà tình thương	60.000.000
Tổ chức trung thu cho 1000 cháu thiếu nhi người dân tộc	180.000.000
Thực hiện 9 công trình nước sạch cho các trường học vùng sâu vùng xa	1.360.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>2.879.435.000</b>

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức thực hiện 2 ngày hội hiến máu nhân đạo tại Công ty, thu hút vận động được 210 người lao động và người dân tham gia hiến máu.

### 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.



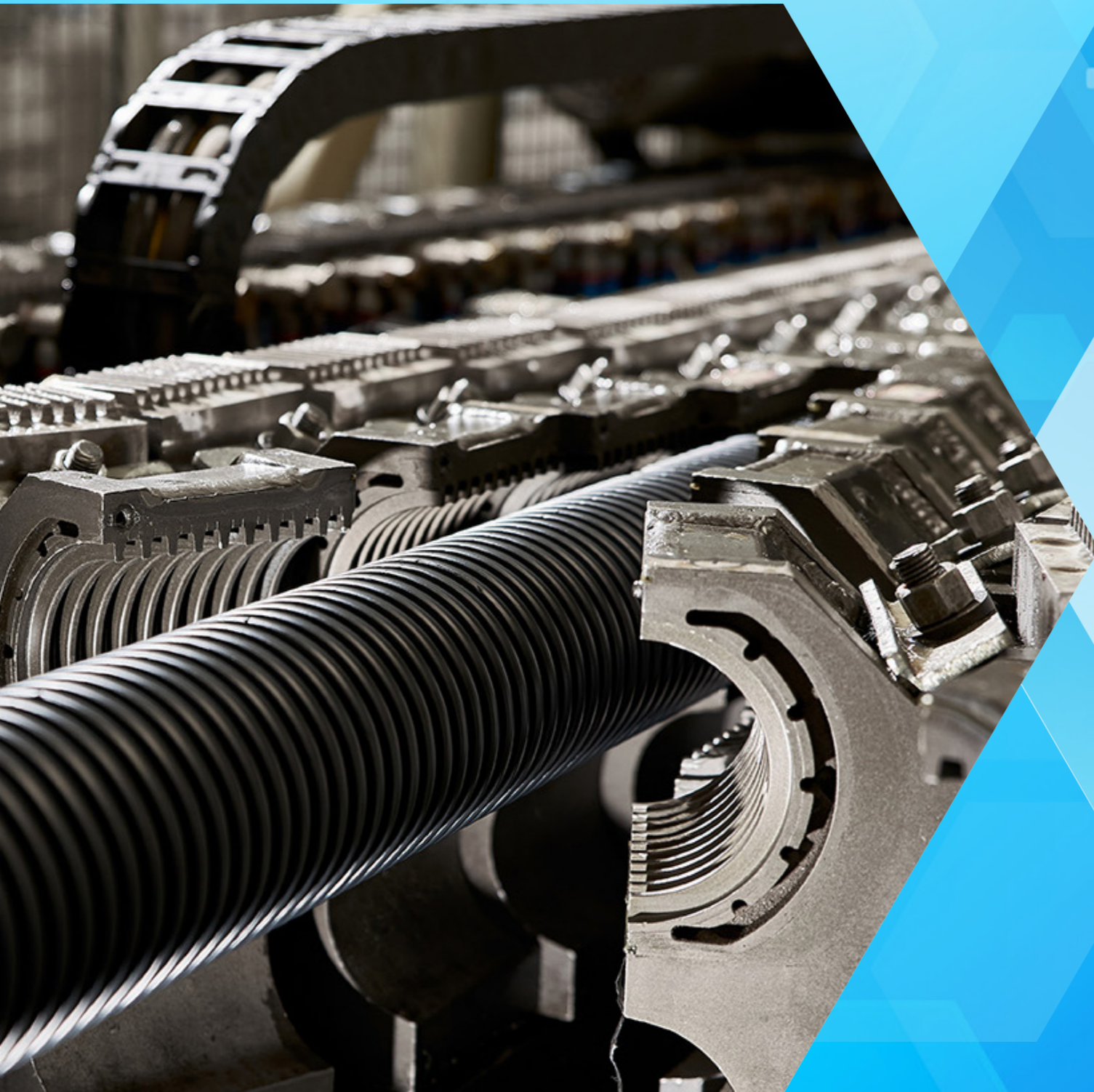


### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

- |   |    |
|---|----|
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                                 | 92 |
| 2. Tình hình tài chính  | 94 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                          | 96 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai  | 97 |
| 5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán                          | 98 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 98 |

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đặc điểm tình hình:



### Thuận lợi:

- Nhu cầu thị trường có sự phục hồi nhất định dù chưa được như mong đợi do còn nhiều yếu tố bất ổn.
- Chất lượng và thương hiệu sản phẩm của Nhựa Bình Minh được tin cậy cao, nên dù thị trường có phục hồi chưa như mong đợi, Công ty vẫn duy trì mức giá bán khá tốt của một đơn vị dẫn dắt thị trường.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào khá ổn định và cạnh tranh hơn so với năm trước.
- Hai bộ phận mới thành lập là Chuỗi Cung Ứng và Cải Tiến Năng Suất đã hoàn thành rất tốt chức năng điều phối hàng ngang. Điều này giúp Công ty vận hành thêm hiệu quả đáng kể, đặc biệt về chất lượng và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Hầu hết người lao động nhiệt tình học hỏi và có khả năng thích ứng với sự thay đổi.

### Khó khăn:

- Sự bất ổn của kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực đến sự phục hồi của Việt Nam sau đại dịch
- Nguy cơ “Bong bóng động sản”, Chính sách ngân hàng thắt chặt, tình trạng giải ngân đầu tư công chậm, nhiều vụ tai tiếng của một số công ty lớn trong ngành bất động sản... đã làm giảm rõ rệt nhu cầu về vật liệu xây dựng trong Quý 4/2022.

# 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tt)

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2022	Thực hiện		Tỷ lệ %	
				2022	2021	2022/KH	2022/2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.680	5.825	4.565	102,5	127,6
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	101.750	97.749	92.565	96,1	105,6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560	871	268	156	325
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	448	694	214	155	325

Có thể thấy, chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ năm 2022 tuy có tăng trưởng khoảng 5,6% so với năm 2021 nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch năm. Nguyên nhân chính là do nhu cầu của thị trường thấp trong Quý 4/2022, khi mà có những vấn đề trong thị trường bất động sản Việt Nam.

Tuy nhiên, với cam kết của đội ngũ Công ty và sự thực hiện hiệu quả các chính sách, để cao sự Chủ động - Tập trung trong chất lượng và dịch vụ với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, Công ty đã tạo nên kỷ lục mới về cả doanh thu và lợi nhuận vượt chỉ tiêu 2022.

# 2. Tình hình tài chính



- Vốn lưu động dưới dạng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng chiếm 60% cấu trúc vốn, có thể hỗ trợ tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ và hiệu quả. Hiện nay, BMP đã có các quy trình quản lý và giám sát vốn lưu động qua thực hiện phân tích dữ liệu ngay thời điểm để kiểm soát và cải tiến các hoạt động quản lý.
- Tổng tài sản đã tăng khoảng 7% so với năm trước. Điều này do Công ty tiếp tục thực hiện tự động hóa nhiều hơn nhằm cải tiến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dựa trên hiện đại hóa sản xuất.
- Trong năm 2022, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên nợ của BMP khoảng 6,3 lần, cho thấy một cấu trúc tài chính vững mạnh, đặc biệt trong giai đoạn lãi suất vay và lạm phát cao như hiện tại.

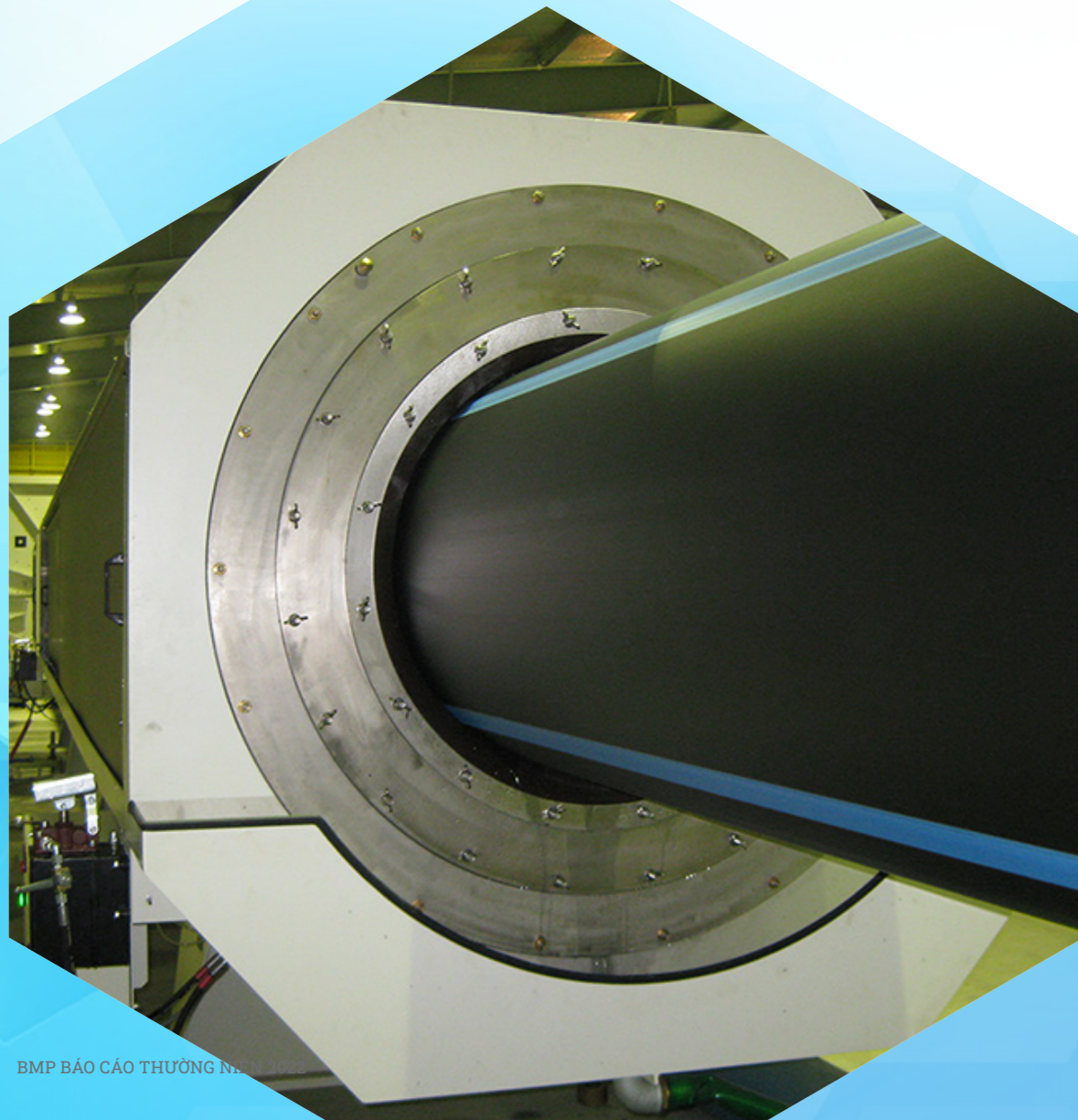


### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, có sự thay đổi về người quản lý như sau:

- \* Ngày 26/04/2022: Ông Phùng Hữu Luận giữ chức danh Kế toán trưởng thay thế ông Hồng Lê Việt.
- \* Ngày 01/08/2022: Ông Chaowalit Treejak giữ chức danh Tổng Giám đốc thay thế ông Nguyễn Hoàng Ngân nghỉ hưu.

Cơ cấu tổ chức và các chính sách của Công ty vẫn được giữ nguyên nhằm bảo đảm sự ổn định.



### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng các quy trình làm việc để nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.
- Nâng cao công tác vận hành sản xuất thông qua các quy trình Vận hành tinh gọn (LEAN), Tự động hóa, và Cải tiến trọng điểm (FI).
- Cải tiến Quy trình phát triển sản phẩm mới (NPD) bằng cách hợp tác với Công ty mẹ NPI.
- Gắn kết chiến lược ESG với hoạt động của Công ty

## 5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, các chỉ tiêu môi trường tại Công ty được kiểm soát chặt chẽ nhằm nâng cao điều kiện làm việc của người lao động và đáp ứng các yêu cầu pháp luật. Một số ghi nhận:

**Chất thải:** Tất cả các loại rác thải được công ty tổ chức phân loại từ nguồn, do đó thuận lợi trong việc quản lý, chuyển giao cho các đơn vị chuyên ngành và được Nhà nước cấp phép để xử lý. Toàn bộ 100% chất thải nguy hại đã được bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

**Nước thải:** 100% nước sử dụng trong hoạt động sản xuất tại Công ty được tuần hoàn và tái sử dụng, chỉ có nước thải sinh hoạt của NLĐ. Toàn bộ lượng nước thải này đều được các nhà máy và đơn vị thành viên tổ chức xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thu gom của địa phương hoặc khu công nghiệp.

**Khí thải:** Ngoài khí nhà kính phát thải như đã nêu ở mục 6.1, các hoạt động sản xuất tại công ty không có phát thải các loại khí có hại, không tác động đến môi trường sinh thái và môi trường lao động.

**Bụi:** Công ty đã đầu tư các trang thiết bị nhằm hạn chế phát thải bụi và đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Các kết quả đo kiểm môi trường vi khí hậu đều thấp (tốt) hơn rất nhiều so với quy định cho phép của pháp luật hiện tại.



## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội (tt)



### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trở lại bình thường hóa với dịch bệnh, trước những đổi thay nhanh chóng của môi trường kinh doanh khi mà nhu cầu tự động hóa, chuyển đổi số, trở nên cấp thiết, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi, đã đặt ra những thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thích ứng. Trong năm qua, Công ty đã có sự chuyển mình mạnh mẽ trong các chính sách liên quan đến người lao động, để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng trên tinh thần “Better together – Cùng nhau tiến bước” nổi bật như sau:

- **Môi trường làm việc:** Công ty tiếp tục chú trọng xây dựng môi trường làm việc tự động hóa, nhằm nâng cao năng suất và an toàn cho người lao động tại tất cả khu vực sản xuất. Bên cạnh đó, chuỗi hoạt động kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Công ty trong năm 2022 đã mang lại môi trường tích cực cho tinh thần và thể chất của người lao động.
- **Đào tạo và phát triển:** Hoạt động đào tạo được đẩy mạnh, tập trung phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thông qua các khóa bồi dưỡng kiến thức kinh doanh, hướng dẫn áp dụng kỹ thuật sản xuất mới..., đã tạo điều kiện cho hầu hết lao động phát huy và nâng cao khả năng của mình.
- **Thu nhập:** Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh đang được thiết kế lại, để tạo động lực mạnh mẽ hơn cho toàn bộ lực lượng lao động, việc rà soát, điều chỉnh thường xuyên các chính sách của công ty theo những thay đổi của pháp luật và điều kiện thực tế cũng đã góp phần tăng sự gắn kết giữa người lao động và Công ty.
- **Lộ trình sự nghiệp:** Với việc hoàn thành bộ từ điển năng lực, Nhựa Bình Minh đã hướng đến hoàn chỉnh công tác quản lý lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty đã bắt đầu áp dụng việc hình thành và vận hành các đội dự án Cải tiến trọng điểm (FI projects). Các dự án này vừa hướng đến “Cải tiến liên tục”, vừa tạo môi trường rèn luyện, phát triển năng lực về chuyên môn, quản lý cho mỗi nhân viên. Thông qua đó, Công ty có thể ghi nhận, chọn lọc, điều chuyển để giúp nhân viên phát triển sự nghiệp phù hợp.

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội (tt)

### c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương năm 2022 có nhiều hoạt động hơn so với năm trước, cụ thể đạt giá trị bằng tiền là 2,879,435,000 VNĐ, tăng hơn 62% so với cùng kỳ. Năm 2022, tình hình hoạt động của Công ty đã phục hồi hiệu quả. Vì vậy, ban điều hành và người lao động có nguồn tài chính thuận lợi hơn để hỗ trợ cho các công tác xã hội, giúp đỡ cộng đồng.

Các mảng hoạt động xã hội của Công ty có sự đa dạng tiếp cận được nhiều đối tượng, đặc biệt là tại địa bàn mà Công ty trú đóng và các nơi vùng sâu, vùng xa.

Đại dịch Covid-19 qua đi, nhưng vẫn để lại nhiều khó khăn cho cộng đồng, nhất là các đối tượng yếu thế. Các công tác xã hội của Công ty không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ vật chất mà còn mang lại ý nghĩa tinh thần cho cả đối tượng được hỗ trợ, mang lại cả tinh thần tương thân tương ái cho người lao động trong Công ty, khi chính họ trực tiếp tham gia góp sức vào hoạt động này. Các hoạt động công tác xã hội của Công ty đã nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng địa phương, cũng như sự ủng hộ nhiệt tình của các thành viên trong Công ty. Ở chiều ngược lại, Công ty cũng nhận được các tình cảm quý báu từ cộng đồng nâng cao hình ảnh của Công ty.





## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- |  |     |
|--|-----|
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty       | 106 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị     | 108 |
| 3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập                     | 110 |
| 4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành                       | 112 |
| 5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển | 114 |

## 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty



- ▶ HĐQT hoàn toàn đồng ý với đánh giá của Ban Điều hành rằng về kết quả sản xuất kinh doanh, năm 2022 được coi là một trong những năm đạt hiệu quả kinh doanh cao của công ty, tuy nhiên việc không thực hiện được chỉ tiêu SẢN LƯỢNG theo kế hoạch cũng tiềm ẩn khả năng thị phần của Công ty bị ảnh hưởng. Đặc biệt trong Quý 4, các yếu tố khó khăn thể hiện hết sức rõ rệt và việc suy giảm nhu cầu thị trường có tác động mạnh mẽ đến kết quả của công ty mặc dù cũng tác động đến tất cả các đối thủ cùng ngành.
- ▶ Các hoạt động cải tiến trong quản trị nội bộ hướng đến vận hành xuất sắc đang phát huy hiệu quả rõ rệt, nâng cao không ngừng năng suất lao động và hiệu suất hoạt động trong công ty.
- ▶ Công ty đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 45 năm thành lập công ty (16/11/1977 – 16/11/2022) để giới thiệu được hình ảnh một công ty có truyền thống văn hóa, hoạt động uy tín, kinh doanh hiệu quả và có trách nhiệm với Khách hàng, Người lao động, Cổ đông và Xã hội.
- ▶ Các hoạt động thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với môi trường và xã hội vẫn được quan tâm và thể hiện ở mức độ tích cực, dù trong điều kiện công ty cũng phải đối mặt với những khó khăn chung về tình hình kinh tế.
- ▶ Công ty duy trì được sự tín nhiệm của các tổ chức, chính quyền, các tổ chức đánh giá kinh doanh, quản trị trong và ngoài nước thông qua việc giữ vững các giải thưởng và danh hiệu trong năm: Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt nam, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Thương hiệu Vàng TPHCM, Doanh nghiệp tiêu biểu TPHCM, Top 100 Công ty phát triển bền vững, Top 50 Công ty có môi trường làm việc tốt châu Á ...
- ▶ Công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 khoảng hơn 250 tỷ đồng. Căn cứ truyền thống đảm bảo tốt lợi ích của cổ đông và với hiệu quả kinh doanh rất cao năm 2022, dự kiến Cổ tức của Công ty cả năm 2022 sẽ rất khả quan trong điều kiện kinh doanh chung của các doanh nghiệp đều đang khó khăn hiện nay.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của HĐQT

- ▶ Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 với hình thức trực tiếp đã được HĐQT tổ chức thành công vào tháng 4/2022. Tất cả các đề nghị của HĐQT nhận được sự ủng hộ và thông qua của Cổ đông trong Đại hội.
- ▶ Các cuộc họp HĐQT được duy trì đều đặn, đầy đủ theo đúng yêu cầu của Điều lệ công ty bằng cả hình thức trực tiếp hay trực tuyến. HĐQT tuân thủ nguyên tắc quản trị và thực hiện tốt những công việc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động Công ty thông qua các báo cáo hàng tháng của Tổng Giám đốc (TGD).
- ▶ HĐQT đã ủng hộ các giải pháp của TGD trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh của công ty, đặc biệt duy trì các chế độ đảm bảo thu nhập và thực hiện các chính sách cho Người lao động.



BẢNG THÔNG BÁO XE VÀO RA - N

XE	LÀN XE	GIỜ HẸN	GIỜ VÀO CỐNG
50564	HC.4	07:30	07:41
4V-1992	HC.3	07:30	07:37
50H-05218	C1.3	08:00	07:37
60C-40540	HC.1	08:30	07:54
6 54V-5516	HC.3	08:30	
7 60C-40540	HC.1	08:30	07:54
61C-15622	C1.1	08:30	07:37
1C-08628	C1.2	08:30	
01239	CT	09:00	

### 3. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập

- ▶ Trong điều kiện rất nhiều khó khăn do kinh tế chung suy thoái vì nhiều lý do trong và ngoài nước, HĐQT vẫn duy trì hoạt động ổn định và luôn thể hiện sự ủng hộ triệt để các đề xuất, giải pháp của Tổng Giám đốc để tạo điều kiện cho công ty ổn định và phát triển.
- ▶ HĐQT và Ban điều hành luôn đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nỗ lực cao độ của Người lao động (NLĐ) để tuân thủ các quy định và thực hiện mọi giải pháp cần thiết để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ▶ Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự ủng hộ của HĐQT về sự quan tâm đến lợi ích của Người lao động trong công ty. Đề nghị HĐQT tiếp tục ủng hộ việc xây dựng chính sách lương, thưởng, đãi ngộ phù hợp với qui mô và vị thế của công ty, đảm bảo mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập của thị trường để duy trì và bổ sung đội ngũ Ban điều hành, Người lao động có năng lực vì mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững.
- ▶ Trong điều kiện những rủi ro, khó khăn về tín dụng và thị trường tiêu thụ như hiện nay, HĐQT và Ban điều hành cần thường xuyên theo dõi sát thông tin thị trường và kịp thời có các giải pháp linh hoạt phù hợp với bối cảnh kinh doanh đang rất bất ổn để duy trì hiệu quả Công ty.



## 4. Đánh giá của HĐQT về Ban điều hành



- ▶ Ban điều hành đã tiếp tục kiên định trong việc thiết lập các biện pháp phòng chống đại dịch nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn cho NLD.
- ▶ Dựa vào sự phục hồi nhu cầu sau đại dịch và thuận lợi của của yếu tố giá nguyên liệu đầu vào thấp, Ban điều hành đã hoạch định những giải pháp kinh doanh phù hợp để tận dụng các thuận lợi trên. Tuy nhiên, việc điều chỉnh những chính sách kinh doanh nhằm tạo lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cần linh hoạt hơn, để thực hiện kế hoạch sản lượng của năm và tăng thị phần trong dài hạn.
- ▶ Đội ngũ Ban điều hành đã giữ được mối quan hệ đồng thuận, khích lệ tinh thần làm việc tập thể trong điều kiện khó khăn, để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ▶ Ban điều hành đã tăng cường cải tiến các hoạt động quản trị nội bộ và đã thật sự đạt được những kết quả tốt, nhằm nâng cao năng lực quản trị, làm tiền đề cho phát triển lâu dài thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động FI, LEAN, 5S, SCM, OPI, SHE ...



## 5. Định hướng của HĐQT về tầm nhìn và chiến lược phát triển

- ▶ Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam. Kiên định với định hướng ưu tiên phát triển thị phần, vận dụng linh hoạt chính sách để nâng cao kết quả kinh doanh và phát triển thị phần.
- ▶ Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua việc đa dạng sản phẩm, mở rộng đối tượng khách hàng, ứng dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại.
- ▶ Định hướng xây dựng cơ sở cho một cấu trúc quản trị tiên tiến dựa trên nền tảng SỐ và tối ưu hóa nguồn lực Công ty.
- ▶ Xây dựng Hệ thống phân phối theo mô hình kinh doanh chủ động để tăng tính chủ động khi xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phát triển thị trường.
- ▶ Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và nâng cao lợi ích cho Người lao động. Tăng cường chính sách đãi ngộ, giữ chân nhân tài, xây dựng nguồn nhân lực quản lý và lao động chất lượng cao.
- ▶ Trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu đang rất chú trọng đến các đòi hỏi về những khái niệm và mô hình mới như Kinh tế xanh GE (Green Economy), Kinh tế tuần hoàn CE (Circular Economy), Quản trị công ty CG (Corporate Governance), Môi trường – Xã hội - Quản trị ESG (Environment Society Governance), Công ty đang phải thực hiện những bước chuyển đổi để giữ vị thế doanh nghiệp hàng đầu. Bên cạnh đó, Công ty vẫn phải ưu tiên duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh để tạo nền tảng tài chính vững chắc cho việc thực hiện những hoạt động trên.
- ▶ Đặc biệt những quy định mới về Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) và Chính sách thuế tối thiểu toàn cầu (GMT), trong tương lai sẽ có tác động không nhỏ đến hoạt động và hiệu quả của công ty nên cần phải chuẩn bị những điều kiện để tuân thủ và giải pháp phù hợp.
- ▶ Tăng cường hiệu quả của các công ty thành viên, công ty liên kết và ổn định Hệ thống phân phối để tạo chuỗi cung ứng mạnh trên toàn quốc trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay.





**T**OGETHER

**E**VERYONE

**A**CHIEVES

**M**ORE

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	118
2. Ban Kiểm soát	132
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát	140

# 1. Hội đồng quản trị

## a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



# 1. Hội đồng quản trị (tt)

## a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	0	0
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%
03	Ông Chaowalit Treejak	Thành viên	0	0
04	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên	0	0
05	Ông Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0	0

### Quá trình công tác :

- 2005 : Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical – Iran
- 2009: Giám đốc điều hành Công ty SCG Plastict Ltd. – Thailand
- 2015: Giám đốc điều hành Công ty SCG Chemicals Co. Ltd – Thailand
- 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefin & Vinyl SCG- Thailand
- 2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh



**Ông SAKCHAI  
PATIPARNPREECHAVUD**

Chủ tịch HĐQT  
(Thành viên không điều hành)  
Năm sinh: 1967  
Quốc tịch: Thailand  
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị  
kinh doanh

### Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Tổng Giám đốc (trước 01/8/2022)  
Năm sinh: 1962  
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,  
Thạc sĩ Quản trị

(Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)



# 1. Hội đồng quản trị (tt)

## a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



### Ông CHAOWALIT TREEJAK

Tổng Giám đốc (từ 01/08/2022)  
 Thành viên HĐQT  
 Năm sinh: 1966  
 Quốc tịch: Thailand  
 Trình độ: Cử nhân hóa

### Quá trình công tác :

- 2004: Trưởng Phòng Kế hoạch – Mua sắm của Công ty Thai CRT Co., Ltd.
- 2005: Giám đốc điều hành Công ty Siam Forestry Co., Ltd.
- 2008: Giám đốc điều hành Công ty Thai Cane Paper Public Co., Ltd.
- 2010: Giám đốc điều hành Công ty Thai Container Group Co., Ltd.
- 2019-nay: Giám đốc điều hành Công ty Nawaplastic Industries Co., Ltd. Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh



### Ông PORAMATE JARNROONGRO

Thành viên HĐQT  
 thành viên không điều hành)  
 Năm sinh: 1963  
 Trình độ: Thạc sỹ Công nghiệp

# 1. Hội đồng quản trị (tt)

## a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



### Quá trình công tác :

- 1983: Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2
- 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát
- 1996: Giám đốc Cty TNHH SX & XD Phan Vũ
- 2001: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation – Japan
- 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange)
- 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- 2018 - nay: Thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Bình Minh



**Ông PHAN KHẮC LONG**

Thành viên độc lập HĐQT  
 Năm sinh: 1961  
 Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

# 1. Hội đồng quản trị (tt)

## b. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban vào đầu năm 2022:	Trong năm 2022 tái cấu trúc như sau:
Tiểu ban Quan hệ nhà đầu tư	Giải thể, giao Tổng Giám đốc phụ trách chức năng này.
Tiểu ban Chiến lược phát triển	Giải thể, giao Tổng Giám đốc phụ trách chức năng này.
Tiểu ban Nhân sự- Chính sách- Lương thưởng thành	Đổi tên thành <b>Ủy ban ĐỀ CỬ và Thù lao</b>
Tiểu ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ	Đổi tên thành <b>Ủy ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ</b> (phụ trách bộ phận <b>Kiểm toán Nội bộ</b> mới thành lập)
	Thành lập mới <b>Ủy ban Quản trị công ty và Phát triển bền vững</b>

## c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Từ ngày 01/01/2022-31/12/2022, có tổng cộng 7 cuộc họp HĐQT, trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	7/7 (100%)
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	7/7 (100%)
03	Ông Chaowalit Treejak	7/7 (100%)
04	Ông Poramate Larnroongroj	7/7 (100%)
05	Ông Phan Khắc Long	7/7 (100%)



# 1. Hội đồng quản trị (tt)

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-BM/HĐQT/2022	25/01/2022	Điều chỉnh ngân sách thưởng 2021 theo kết quả kinh doanh thực tế năm 2021
2	02/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Bổ nhiệm ông Chaowalit làm Tổng Giám đốc từ 01/08/2022-30/07/2027
3	02A/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Xác định ông Chaowalit là Người đại diện theo Pháp luật từ 01/08/2022
4	03/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Chấp thuận từ nhiệm Kế toán trưởng ông Hồng Lê Việt từ ngày 25/04/2022
5	04/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Bổ nhiệm ông Phùng Hữu Luận là KTT từ 26/04/2022-25/04/2027
6	05/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Nguyễn Hoàng Ngân giao dịch với ACB
7	06/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Nguyễn Hoàng Ngân giao dịch với Sacombank
8	07/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Nguyễn Hoàng Ngân giao dịch với Vietinbank
9	08/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Nguyễn Hoàng Ngân giao dịch nói chung
10	09/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Chaowalit giao dịch với ACB
11	10/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Chaowalit giao dịch với Sacombank
12	11/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Chaowalit giao dịch với Vietinbank
13	12/NQ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Trao quyền cho ông Chaowalit giao dịch nói chung
14	13/NQ-BM/HĐQT/2022	26/04/2022	Trả cổ tức 2021 lần 2
15	14/NQ-BM/HĐQT/2022	26/04/2022	Trích lập Quỹ khen thưởng và Chi khen thưởng 2022

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
16	15/NQ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư bổ sung công suất tại Nhà máy BMLA về ống và phụ tùng ống
17	16//NQ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư bổ sung công suất tại Nhà máy BMLA về keo dán
18	17/NQ-BM/HĐQT/2022	11/10/2022	Tạm ứng cổ tức 2022 lần 1
19	18/NQ-BM/HĐQT/2022	27/12/2022	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Hải
20	01/QĐ-BM/HĐQT/2022	25/03/2022	Ủy quyền đại diện phần vốn của BMP tại Tân Tiến
21	02/QĐ-BM/HĐQT/2022	25/03/2022	Ủy quyền đại diện phần vốn của BMP tại DPC
22	03/QĐ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Bổ nhiệm KTT Phùng Hữu Luận
23	04/QĐ-BM/HĐQT/2022	04/04/2022	Bổ nhiệm TGD Chaowalit Treejak
24	05/QĐ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Giải thể Tiểu ban Quan hệ nhà đầu tư
25	06/QĐ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Giải thể Tiểu ban Chiến lược phát triển
26	07/QĐ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Tái cấu trúc Tiểu ban Nhân sự- Chính sách- Lương thưởng thành Ủy ban Đề cử và Thù lao
27	08/QĐ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Tái cấu trúc Tiểu ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ thành Ủy ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ
28	09/QĐ-BM/HĐQT/2022	08/07/2022	Thành lập Ủy ban Quản trị công ty và Phát triển bền vững
29	11/ QĐ-BM/HĐQT/2022	08/08/2022	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ
30	10/QĐ-BM/HĐQT/2022	30/08/2022	Thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ
31	12/ QĐ-BM/HĐQT/2022	27/12/2022	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Hải

## 1. Hội đồng quản trị (tt)

### d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia 100% các buổi họp HĐQT. Với vai trò trực tiếp phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách- Lương thưởng nay đổi tên là Ủy Ban Đề cử và Thù lao trực thuộc HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng và lựa chọn nhân sự cho các chức danh điều hành cấp cao trong Công ty như đề cử bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới, đề cử tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, đề cử bổ nhiệm Kế toán trưởng trong năm 2022.

Bên cạnh đó, khi HĐQT tiến hành tái cơ cấu các Tiểu ban giúp việc cho HĐQT năm 2022, Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều ý kiến phản biện, làm rõ, cũng như giải thích, tư vấn cho HĐQT hiểu hơn về bản chất và mục đích của việc tái cơ cấu.

### e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Stt	Họ và tên	Nơi cấp chứng chỉ
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thailand
02	Ông Chaowalit Treejak	Thailand
03	Ông Poramate Larnroongroj	Thailand
04	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	VIOD -2022



## 2. Ban Kiểm soát



### a. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự
1	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban	20/4/2018	2/2
2	Ông Praween Wirotpan	Thành viên	20/4/2018	2/2
3	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên	25/4/2013	2/2



## 2. Ban Kiểm soát



**Ông NGUYỄN THANH THUẬN**

Trưởng Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1987  
 Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

### Quá trình công tác :

- 2009: Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).
- 2012: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2015: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2016: Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2018: Trưởng phòng tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia.
- 20/04/2018: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

### Quá trình công tác:

- 1991: Kiểm toán viên tại Công ty Siem Cement Puplic Co. Ltd.- Thailand.
- 1998: Trưởng phòng Quản trị Công ty Cementhai Plastic & Product Co.,Ltd - Thailand.
- 2000: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd - Thailand.
- 2002: Trưởng Phòng Nhân sự Công ty Thai Plastic&Chemicals Public Co.,Ltd. -Thailand.
- 2006: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd.
- 2015: Tổng Giám đốc SCG Vietnam.
- 20/04/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Bình Minh.



**Ông PRAWEEEN WIRATTAPAN**

Thành viên Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1968  
 Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

## 2. Ban Kiểm soát



### Ông NGUYỄN LƯU THUY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1983  
 Trình độ: Cử nhân Kế toán,  
 Thạc sĩ Tài chính

#### Quá trình công tác:

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0 cổ phần.

### b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2022, BKS tổ chức 02 cuộc họp để giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các quy trình/quy định nội bộ đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Nội dung cụ thể như sau:

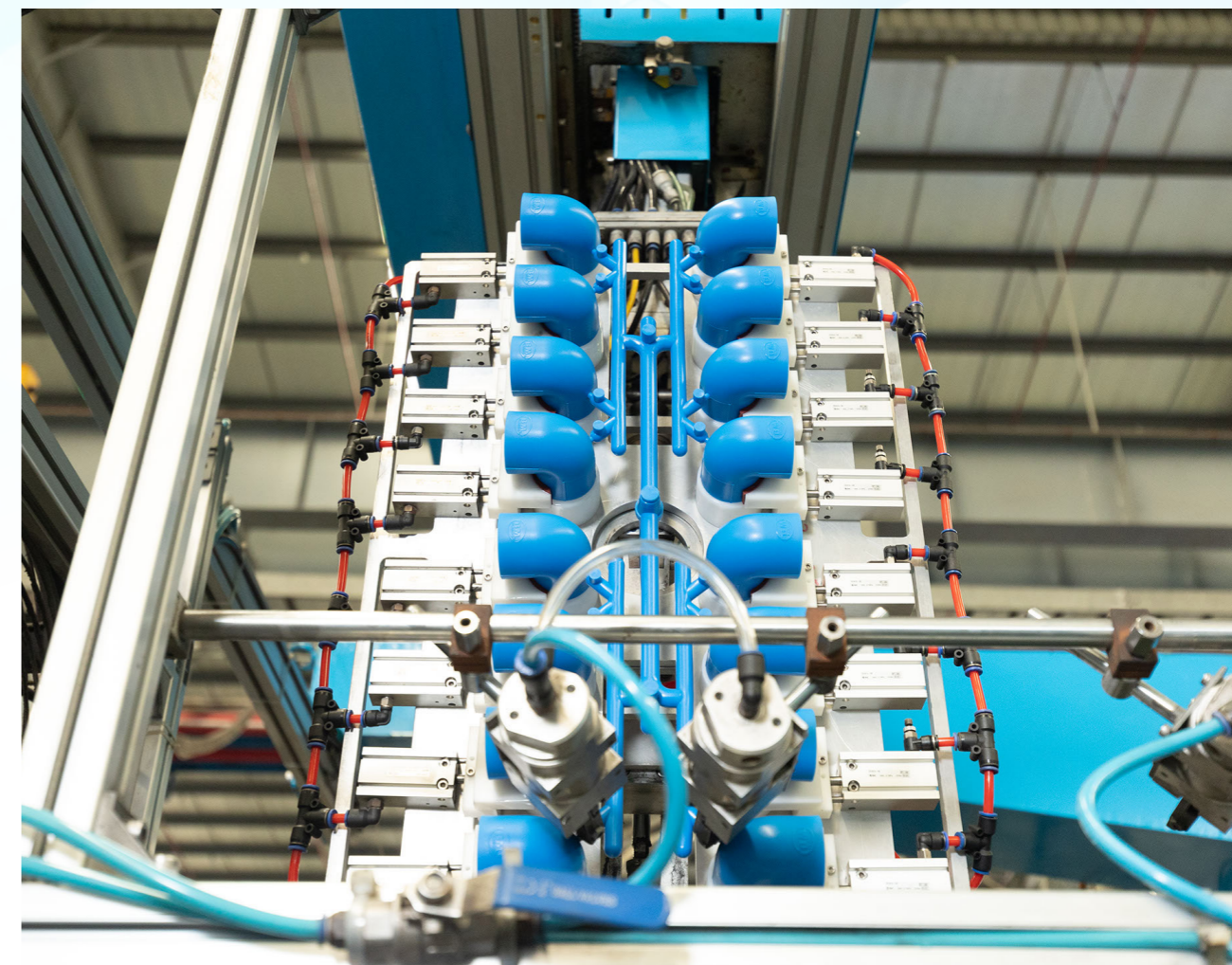
Stt	Ngày	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	26/4/2022	2/2	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Cập nhật kết quả kinh doanh Quý 1/2022</li> <li>▶ Xem xét Báo cáo tài chính Quý 1/2022</li> <li>▶ Xem xét các khuyến nghị của đoàn IA SCG và các giải trình của Công ty nhằm khắc phục/phòng ngừa.</li> </ul>
2	25/07/2022	2/2	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2022</li> <li>▶ Xem xét Báo cáo tài chính Quý 2/2022</li> <li>▶ Cập nhật kế hoạch xử lý các khoản nợ quá hạn</li> <li>▶ Cập nhật các khuyến nghị của đoàn IA SCG và giải trình của Công ty.</li> </ul>

Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia toàn bộ các cuộc họp của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tham gia ý kiến về những nội dung liên quan đến tài chính kế toán.

## 2. Ban Kiểm soát (tt)

### Kết quả kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát:

- **Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022**
  - ▶ HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022.
  - ▶ Mặc dù điều kiện thị trường diễn biến không thuận lợi trong các tháng cuối năm, tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận năm 2022 đều vượt kế hoạch đặt ra, đặc biệt lợi nhuận ghi nhận mức cao kỷ lục từ trước đến nay.
- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông.**
  - ▶ BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.
    - HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
    - Ban Điều hành theo dõi sát sao tình hình thị trường và các doanh nghiệp cùng ngành, từ đó đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp.
  - ▶ Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, ban hành 19 Nghị quyết và 12 Quyết định phù hợp với Điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
  - ▶ 04 ủy ban trực thuộc HĐQT được cơ cấu lại để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và tương thích với mô hình Công ty mẹ. Hoạt động của 04 ủy ban đã bắt đầu ổn định và có hiệu quả, qua đó đã tư vấn được cho HĐQT và Ban điều hành.
- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:**
  - ▶ BKS ghi nhận sự phối hợp của HĐQT và Ban Điều hành. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.
  - ▶ Các cuộc họp của BKS luôn được Ban Điều hành tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của Ban.
- **Về thẩm tra Báo cáo tài chính và các hoạt động khác**
  - ▶ Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.
  - ▶ Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - ▶ Công ty thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - ▶ Công ty đã thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ cùng với hoạt động kiểm toán định kỳ từ bộ phận kiểm toán của Công ty mẹ SCG qua đó giúp Công ty phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.



### Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023:

Năm 2023, BKS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- ▶ Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.
- ▶ Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- ▶ Thẩm tra tính trung thực, minh bạch các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ▶ Rà soát và có ý kiến đối với các quy trình/quy định nội bộ.
- ▶ Tư vấn HĐQT, Ban Điều hành các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại Doanh nghiệp:

Stt	Họ và Tên	BP	Lương_CBCNV	Thưởng_CBCNV	Khác	Tổng thu nhập	Thuế TNCN	Còn lại
1	Nguyễn Hoàng Ngân	HĐQT	2.481.291.738	764.952.543	1.654.979.821	4.901.224.102	1.389.495.421	3.511.728.681
2	Sakchai Patiparnpreechavud	HĐQT	-	-	1.647.109.095	1.647.109.095	329.421.819	1.317.687.276
3	Phan Khắc Long	HĐQT	-	-	988.265.457	988.265.457	98.826.545	889.438.912
4	Wisit Rechaipichitgool	HĐQT	-	-	86.059.851	86.059.851	17.211.970	68.847.881
5	Poramate Larnroongroj	HĐQT	-	-	988.265.457	988.265.457	197.653.092	790.612.365
6	Chaowalit Treejak	HĐQT	2.461.857.396	270.634.984	906.205.606	3.638.697.986	1.093.736.921	2.544.961.065
7	Bông Hoa Việt	HĐQT	1.323.713.823	280.516.685	494.132.728	2.098.363.236	560.959.208	1.537.404.028
<b>Cộng HĐQT</b>			<b>6.266.862.957</b>	<b>1.316.104.212</b>	<b>6.765.018.015</b>	<b>14.347.985.184</b>	<b>3.687.304.976</b>	<b>10.660.680.208</b>
1	Nguyễn Lưu Thùy Minh	BKS	538.568.865	118.541.493	426.750.993	1.083.861.351	178.942.740	904.918.611
2	Nguyễn Thanh Thuận	BKS	-	-	711.251.654	711.251.654	71.125.166	640.126.488
3	Praween Wirotpan	BKS	-	-	426.750.993	426.750.993	42.675.099	384.075.894
<b>Cộng BKS</b>			<b>538.568.865</b>	<b>118.541.493</b>	<b>1.564.753.640</b>	<b>2.221.863.998</b>	<b>292.743.005</b>	<b>1.929.120.993</b>
1	Nguyễn Thanh Quan	P. TGD	2.567.843.688	521.243.861	16.000.000	3.105.087.549	889.532.022	2.215.555.527
2	Nguyễn Thanh Hải	P. TGD	2.368.267.970	430.146.992	-	2.798.414.962	780.489.849	2.017.925.113
3	Hồng Lê Việt	KTT	598.655.369	177.071.346	-	775.726.715	171.479.316	604.247.399
4	Phùng Hữu Luận	KTT	1.719.583.335	240.745.523	-	1.960.328.858	484.282.160	1.476.046.698
<b>Cộng khác</b>			<b>7.254.350.362</b>	<b>1.369.207.722</b>	<b>16.000.000</b>	<b>8.639.558.084</b>	<b>2.325.783.347</b>	<b>6.313.774.737</b>
<b>Tổng Cộng</b>			<b>14.059.782.184</b>	<b>2.803.853.427</b>	<b>8.345.771.655</b>	<b>25.209.407.266</b>	<b>6.305.831.328</b>	<b>18.903.575.938</b>

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành (tt)

#### b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP trước giao dịch	Mua CP	Bán CP	Số lượng CP sau giao dịch	Tỷ lệ sở hữu
Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch HĐQT	0			0	0%
Nguyễn Hoàng Ngân	PCT.HĐQT/ TGD	618.550			618.550	0,756%
Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	0			0	0%
Chaowalit Treejak	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	0			0	0%
Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT	0			0	0%
Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập	0			0	0%
Bông Hoa Việt	Thư ký Công ty	105.600			105.600	0,129%
Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban KS	0			0	0%
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040		14.040	0	0%
Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0			0	0%
Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	11.709			11.709	0,014%
Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	0			0	0%
Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng	03			03	0,00%
Phùng Hữu Luận	Kế toán trưởng	10.000			10.000	0,012%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>749.902</b>		<b>14.040</b>	<b>745.862</b>	<b>0,899%</b>

Giao dịch của Cổ đông sở hữu 5% trở lên:

Cổ đông	Số lượng CP trước giao dịch	Mua	Bán	Số lượng CP sau giao dịch	Tỷ lệ sở hữu sau GD
Nawaplastic Industries Co., Ltd.	44.525.911	63.900		44.589.811	54,470%
KWE Beteiligungen AG	8.605.408	274.800		8.880.208	10,848%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>52.858.319</b>	<b>338.000</b>		<b>53.131.319</b>	<b>65,318%</b>

#### c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan: Không có



### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành (tt)

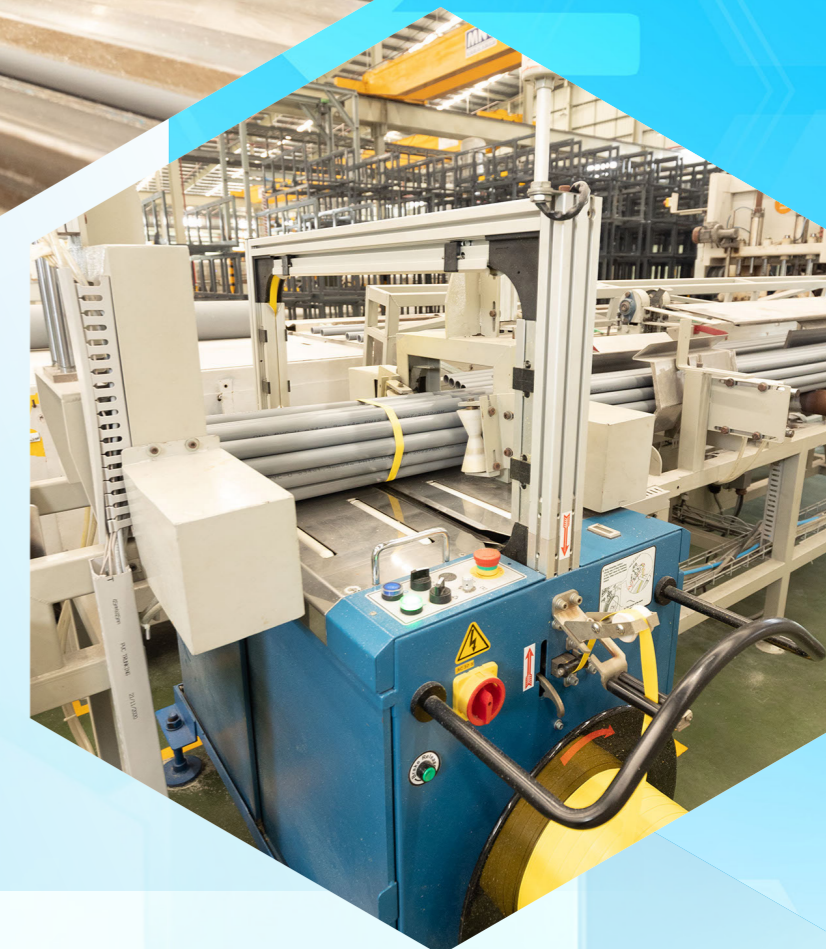
#### d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

##### Về những điểm đã làm được:

- Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường và các báo cáo liên quan đến quản trị Công ty trong năm 2022.
- Công ty đã tổ chức thành công ĐHCĐ 2022 đúng quy định.
- Đảm bảo thực hiện tốt tất cả các cuộc họp HĐQT theo định kỳ và bất thường. Số lượng cuộc họp HĐQT lên tới 7 cuộc với 100% các thành viên HĐQT tham dự, thể hiện tinh thần trách nhiệm và quyết tâm của các thành viên HĐQT.
- HĐQT cũng như BKS rất nghiêm túc thực hiện các hoạt động theo quy chế làm việc. Thể hiện tinh thần dân chủ và tôn trọng các ý kiến phản biện. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định, nghị quyết kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.
- Các tiểu ban của HĐQT đã được tái cấu trúc cho đồng bộ với cấu trúc của Tập đoàn.

##### Điểm còn hạn chế:

- Ban Kiểm soát chỉ đạt 50 % theo số lượng các cuộc họp định kỳ hàng Quý,





## VI. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

Báo cáo ESG

149

## Báo cáo ESG

Việc gắn kết công tác ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) vào hoạt động đã được định hình và được nhìn nhận là một thực thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Không thể phủ nhận là hiện nay công tác ESG là chủ đề mà đội ngũ quản lý của BMP đang quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động. Một khi được thực hiện đúng đắn với sự cùng gắn kết của tất cả các bên có liên quan, ESG lồng ghép trong sản xuất kinh doanh có thể giải quyết được các thách thức to lớn nhất của hôm nay, và nắm bắt được các cơ hội tốt nhất của ngày mai. Nội dung và thiết kế của công tác ESG cần phù hợp với chiến lược của công ty, hỗ trợ được cho mô hình kinh doanh tiên tiến của công ty trong tương lai.

Chúng tôi đã khám phá ra điều quan trọng này từ khi nó ban đầu được dẫn dắt bởi chuỗi cung ứng bền vững



### GIẢM THIỂU SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN



#### Hợp tác nhà cung cấp

Hợp tác với nhà cung ứng trong sử dụng xe bồn vận chuyển nguyên liệu, mang lại:

- Giảm bao bì bằng giấy và nhựa
- Nơi làm việc an toàn và lành mạnh
- Chất lượng sản phẩm ổn định.



#### Hợp tác khách hàng

Hợp tác với Khách hàng trong thực hiện Hệ thống Check In/Out giúp cho:

- Giảm khí thải (từ các xe tải chờ hàng)
- Giảm thời gian chờ đợi (vi tăng năng suất logistic)
- Chất lượng dịch vụ ổn định.



Chuỗi cung ứng



Bền vững



# Báo cáo ESG

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐƯỢC BMP LIÊN KẾT TRONG HOẠCH ĐỊNH ESG TẠI BMP





## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- |                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| 1. Ý kiến kiểm toán                 | 154 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 158 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số 4103002023 ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 1 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các Giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên
	Ông Chaowalit Treejak	Thành viên
	Ông Phan Khắc Long	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
	Ông Praween Wirotpan	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Chaowalit Treejak	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 8 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2022)
	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2022)
	Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Hữu Luận	Kế toán trưởng (từ ngày 26 tháng 4 năm 2022)
	Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng (đến ngày 25 tháng 4 năm 2022)
<b>Người đại diện pháp luật</b>	Ông Chaowalit Treejak	(từ ngày 1 tháng 8 năm 2022)
	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	(đến ngày 31 tháng 7 năm 2022)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 158 đến trang 204 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 158 đến trang 204.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Hội đồng Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00243-23-2



**Chang Hung Chun**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

**Trần Thị Lệ Hằng**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.215.147.283.810	2.008.034.358.172
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	358.572.233.870	172.938.679.946
Tiền	111		46.972.233.870	40.438.679.946
Các khoản tương đương tiền	112		311.600.000.000	132.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		965.000.000.000	815.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	965.000.000.000	815.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.727.408.937	369.689.155.082
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	274.800.487.941	237.206.911.153
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	43.255.736.124	165.693.034.033
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	-	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.601.182.695	20.651.911.912
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(59.022.639.344)	(59.352.881.098)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		92.641.521	490.179.082
Hàng tồn kho	140	10	576.848.239.590	618.888.600.745
Hàng tồn kho	141		577.483.629.050	621.534.471.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(635.389.460)	(2.645.870.752)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.999.401.413	31.517.922.399
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	722.740.291	1.951.109.213
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20(b)	35.276.661.122	29.566.813.186

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210+220 + 240 + 250 + 260)	200		829.644.709.983	829.986.645.605
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	20.000.000.000	-
Tài sản cố định	220		367.746.104.997	381.994.407.065
Tài sản cố định hữu hình	221	12	360.548.687.507	372.660.409.996
Nguyên giá	222		2.035.656.756.132	1.881.825.515.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.675.108.068.625)	(1.509.165.105.180)
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.197.417.490	9.333.997.069
Nguyên giá	228		38.620.263.278	39.045.177.078
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.422.845.788)	(29.711.180.009)
Tài sản dở dang dài hạn	240		25.071.276.356	20.422.985.140
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	25.071.276.356	20.422.985.140
Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.415.601.903	111.681.452.347
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	64.415.601.903	69.681.452.347
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	-	40.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		350.411.726.727	315.887.801.053
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	306.881.087.414	280.628.040.852
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	5.897.498.732	6.016.425.321
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	17	37.633.140.581	29.243.334.880
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.044.791.993.793</b>	<b>2.838.021.003.777</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>423.473.389.660</b>	<b>544.546.223.660</b>
Nợ ngắn hạn	310		403.473.029.077	522.694.582.284
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	91.380.423.299	199.607.476.356
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	3.396.601.604	13.429.339.201
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	65.241.129.584	20.705.176.081
Phải trả người lao động	314		84.007.032.449	73.715.623.406
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	101.470.596.256	39.486.861.618
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.817.245.885	107.529.031.224
Vay ngắn hạn	320	23	55.160.000.000	57.274.254.298
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	-	10.946.820.100
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.000.360.583</b>	<b>21.851.641.376</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	20.000.360.583	21.851.641.376
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.621.318.604.133</b>	<b>2.293.474.780.117</b>
Vốn chủ sở hữu	410	26	2.621.318.604.133	2.293.474.780.117
Vốn cổ phần	411	27	818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.157.256.738.050	1.157.256.738.050
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		598.876.151.383	271.032.327.367
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		158.376.292.867	158.981.681.901
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		440.499.858.516	112.050.645.466
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.044.791.993.793</b>	<b>2.838.021.003.777</b>

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:






Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng

Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	5.824.833.255.625	4.564.938.031.907
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	16.488.880.365	12.181.427.790
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>5.808.344.375.260</b>	<b>4.552.756.604.117</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	4.200.684.049.568	3.848.837.736.824
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.607.660.325.692</b>	<b>703.918.867.293</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	55.197.905.430	59.568.491.727
Chi phí tài chính	22	33	157.564.928.385	124.995.428.345
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.578.302	39.575.792
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	(4.940.850.444)	2.305.101.354
Chi phí bán hàng	25	34	503.332.468.504	281.415.832.067
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	128.936.965.691	87.569.890.551
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>868.083.018.098</b>	<b>271.811.309.411</b>
Thu nhập khác	31		4.010.454.930	2.490.248.377
Chi phí khác	32	36	750.994.034	6.100.661.043
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.259.460.896</b>	<b>(3.610.412.666)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>871.342.478.994</b>	<b>268.200.896.745</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	176.954.786.089	48.143.337.797
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	118.926.589	5.680.740.982
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>694.268.766.316</b>	<b>214.376.817.966</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	8.481	2.619

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:






Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng

Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC KẾT THÚC**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	<b>871.342.478.994</b>	<b>268.200.896.745</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	170.146.778.481	190.936.035.205
Các khoản dự phòng	03	(2.869.463.509)	(5.042.561.724)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(148.377.709)	36.237.785
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(48.613.423.156)	(60.989.699.898)
Chi phí lãi vay	06	27.578.302	39.575.792
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	<b>989.885.571.403</b>	<b>393.180.483.905</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(8.529.514.742)	(26.177.109.279)
Biến động hàng tồn kho và thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10	35.661.036.746	(234.191.608.372)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(49.780.961.077)	(102.271.761.491)
Biến động chi phí trả trước	12	(22.779.396.625)	2.615.254.842
		<b>944.456.735.705</b>	<b>33.155.259.605</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.578.302)	(43.688.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(130.875.409.961)	(55.207.394.793)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.413.128.630)	(8.593.196.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<b>799.140.618.812</b>	<b>(30.689.020.205)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 03- DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(69.983.722.708)	(159.331.973.839)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	180.391.320	-
Tiền chi cho vay công ty liên kết	23	(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền cho vay	24	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(922.000.000.000)	(1.390.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	812.000.000.000	1.745.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27	50.002.211.049	90.154.381.666
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	<b>(144.801.120.339)</b>	<b>290.822.407.827</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.320.000.000	2.154.254.298
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.454.254.298)	(190.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(466.607.346.600)	(284.876.064.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	<b>(468.721.600.898)</b>	<b>(282.911.809.942)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	<b>185.617.897.575</b>	<b>(22.778.422.320)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	<b>172.938.679.946</b>	<b>195.737.830.491</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	<b>15.656.349</b>	<b>(20.728.225)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	<b>358.572.233.870</b>	<b>172.938.679.946</b>

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

## (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán là BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

## (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

## (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 2 chi nhánh phụ thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	<b>Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương</b>	Số 7 Đường số 2, khu Công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2	<b>Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An</b>	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo) và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

Stt	Công ty con	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2022	1/1/2022
1	<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc</b>	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.	Đường D1, khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100%	100%

Stt	Công ty liên kết	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2022	1/1/2022
1	<b>Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng</b>	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	Lô Q, đường số 4 và đường số 7, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	29,05%	29,05%
2	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt</b>	Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26%	26%

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 1.339 nhân viên (1/1/2022: 1.382 nhân viên).

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

## (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

## (a) Cơ sở hợp nhất

## (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

## (ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

## (iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

## (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## (d) Các khoản đầu tư

## (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## (ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 10 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình****(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn****(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 46 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn phản ánh chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi

việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần****(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thặng dư vốn cổ phần**

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, đã trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

**(p) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu****(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác****(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuận sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(t) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**(x) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	419.477.857	1.068.260.032
Tiền gửi ngân hàng	46.552.756.013	39.370.419.914
Các khoản tương đương tiền	311.600.000.000	132.500.000.000
	<b>358.572.233.870</b>	<b>172.938.679.946</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 6,0% một năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: từ 3% đến 3,4% một năm).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022			1/1/2022		
	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn</b>						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	5,0% - 11,5%	965.000.000.000	965.000.000.000	3,6 - 7,0%	815.000.000.000	815.000.000.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn</b>						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	-	4,5 - 6,7%	40.000.000.000	40.000.000.000

## (b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết

Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:	31/12/2022						01/01/2021					
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi lũy kế	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	29,05%	29,05%	8.125.000.000	1.690.601.903	9.815.601.903	650.000	29,05%	29,05%	8.125.000.000	6.956.452.347	15.081.452.347
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000
				62.725.000.000	1.690.601.903	64.415.601.903				62.725.000.000	6.956.452.347	69.681.452.347

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	69.681.452.347	68.026.350.993
Phần chia (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	(4.940.850.444)	2.305.101.354
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(325.000.000)	(650.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>64.415.601.903</b>	<b>69.681.452.347</b>

## (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2022 và ngày 1/1/2022				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (i)</b>	20.000	3,00%	4.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật và các dự án đầu tư.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	81.746.021.123	89.807.755.069
Công ty TNHH SXTM Phượng Hoàng	67.048.961.712	29.923.968.400
Các khách hàng khác	126.005.505.106	117.475.187.684
	<b>274.800.487.941</b>	<b>237.206.911.153</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Eplas	11.801.767.896	120.009.071.778
Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	17.391.575.157	15.126.321.237
Các nhà cung cấp khác	14.062.393.071	30.557.641.018
	<b>43.255.736.124</b>	<b>165.693.034.033</b>

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	14.346.447.482	10.649.776.251
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.277.337.286	9.168.638.476
Tạm ứng cho nhân viên	467.732.000	355.000.000
Phải thu khác	509.665.927	478.497.185
	<b>19.601.182.695</b>	<b>20.651.911.912</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC**

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2022				1/1/2022			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	Trên 7 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-	Trên 6 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tuyết	Trên 7 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-	Trên 6 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại công nghệ Nam Phong	Từ 6 tháng đến 1 năm	892.617.272	(446.308.636)	(446.308.636)	-	-	-	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.739.243.355	(2.739.243.355)	-	Trên 3 năm	3.530.235.865	(3.515.793.745)	14.442.120
		<b>59.468.947.980</b>	<b>(59.022.639.344)</b>	<b>446.308.636</b>		<b>59.367.323.218</b>	<b>(59.352.881.098)</b>	<b>14.442.120</b>

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	59.352.881.098	67.302.849.255
Trích lập dự phòng trong năm	494.449.036	1.911.770.388
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(824.690.790)	(9.861.738.545)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>59.022.639.344</b>	<b>59.352.881.098</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		1/1/2022	
	Gía gốc VND	Dự phòng VND	Gía gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	21.632.577.536	-	52.745.702.137	-
Nguyên vật liệu	197.101.021.996	-	223.891.754.963	-
Công cụ và dụng cụ	3.306.825.770	-	2.533.883.782	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.073.132.901	-	29.855.366.068	-
Thành phẩm	265.406.375.735	(364.323.658)	272.350.091.664	(1.677.322.917)
Hàng hóa	40.963.695.112	(271.065.802)	40.157.672.883	(968.547.835)
	<b>577.483.629.050</b>	<b>(635.389.460)</b>	<b>621.534.471.497</b>	<b>(2.645.870.752)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 5.898 triệu VND thành phẩm và 3.260 triệu VND hàng hóa (1/1/2022: 16.008 triệu VND thành phẩm và 9.471 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.645.870.752	1.466.523.042
Trích lập dự phòng trong năm	-	1.179.347.710
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.010.481.292)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>635.389.460</b>	<b>2.645.870.752</b>

## 11. PHẢI THU VỀ CHO VAY

## a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cho vay Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng – công ty liên kết	6%	2022	-	5.000.000.000

Khoản vay này không được đảm bảo và cho vay bằng VND.

## b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cho vay Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng – công ty liên kết	5,4%	2027	20.000.000.000	-

Khoản vay này không được đảm bảo và cho vay bằng VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	511.589.027.311	1.318.390.071.245	40.104.520.753	11.741.895.867	1.881.825.515.176
Tăng trong năm	-	125.994.553.919	1.762.819.000	1.453.142.388	129.210.515.307
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	26.687.961.106	-	-	26.687.961.106
Thanh lý	-	(1.101.852.000)	(255.716.000)	(709.667.457)	(2.067.235.457)
Số dư cuối năm	511.589.027.311	1.469.970.734.270	41.611.623.753	12.485.370.798	2.035.656.756.132
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	399.564.638.570	1.068.156.205.377	33.981.908.830	7.462.352.403	1.509.165.105.180
Khấu hao trong năm	53.955.366.982	109.674.713.164	3.106.325.485	1.273.793.271	168.010.198.902
Thanh lý	-	(1.101.852.000)	(255.716.000)	(709.667.457)	(2.067.235.457)
Số dư cuối năm	453.520.005.552	1.176.729.066.541	36.832.518.315	8.026.478.217	1.675.108.068.625
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	112.024.388.741	250.233.865.868	6.122.611.923	4.279.543.464	372.660.409.996
Số dư cuối năm	58.069.021.759	293.241.667.729	4.779.105.438	4.458.892.581	360.548.687.507

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.057.006 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 939.461 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.570.664.750	29.474.512.328	39.045.177.078
Thanh lý	-	(424.913.800)	(424.913.800)
Số dư cuối năm	9.570.664.750	29.049.598.528	38.620.263.278
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.782.550.378	25.928.629.631	29.711.180.009
Khấu hao trong năm	157.908.437	1.978.671.142	2.136.579.579
Thanh lý	-	(424.913.800)	(424.913.800)
Số dư cuối năm	3.940.458.815	27.482.386.973	31.422.845.788
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.788.114.372	3.545.882.697	9.333.997.069
Số dư cuối năm	5.630.205.935	1.567.211.555	7.197.417.490

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 25.111 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 22.540 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	20.422.985.140	14.553.656.580
Tăng trong năm	33.581.533.337	54.234.841.266
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.687.961.106)	(45.494.021.456)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.871.491.250)
Chuyển sang trả trước dài hạn	(2.245.281.015)	-
Số dư cuối năm	25.071.276.356	20.422.985.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	25.071.276.356	20.422.985.140

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	-	1.180.845.768
Chi phí khác	722.740.291	770.263.445
	722.740.291	1.951.109.213



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## (b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	216.783.206.611	60.358.480.275	3.486.353.966	280.628.040.852
Tăng trong năm	-	68.091.997.934	10.357.685.533	78.449.683.467
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.245.281.015	-	2.245.281.015
Phân bổ trong năm	(5.700.073.564)	(44.282.421.684)	(4.459.422.672)	(54.441.917.920)
Số dư cuối năm	211.083.133.047	86.413.337.540	9.384.616.827	306.881.087.414

## 16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	5.897.498.732	6.016.425.321

## 17. CÔNG CỤ, VẬT TƯ VÀ PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Công cụ, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn liên quan đến công cụ, vật tư và phụ tùng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của Công ty. Nguyên giá của công cụ, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

## 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

## (a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	18.931.452.100	87.266.553.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	6.926.319.400	44.164.885.600
Các nhà cung cấp khác	65.522.651.799	68.176.037.756
	91.380.423.299	199.607.476.356



## (b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	675.133.838	811.452.359
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	18.931.452.100	87.266.553.000
SCG Performance Chemicals Co., Ltd.	-	1.563.142.350
Thai Polyethylene Co., Ltd. (trước đây là "SCG Plastics Co., Ltd")	5.834.949.120	24.599.196.120

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 14 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	670.405.826	2.839.655.258
Công ty TNHH Vân Nhi Minh Liêm	779.356.797	3.459.302.009
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tường Vân	92.488	1.928.986
Công ty TNHH Trường Minh Hải	294.979.196	18.880.475
Các khách hàng khác	1.651.767.297	7.109.572.473
	3.396.601.604	13.429.339.201

## 20. THUẾ

## (a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.729.801.242	700.744.112.886	(125.572.493.897)	(576.901.420.231)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	818.151.400	(818.151.400)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.862.513.395	176.954.786.098	(130.875.409.961)	98.099.129	63.039.988.652
Thuế thu nhập cá nhân	2.112.861.444	38.016.343.573	(32.311.406.233)	(5.616.657.852)	2.201.140.932
Thuế nhà thầu	-	624.183.266	(624.183.266)	-	-
Thuế khác	-	322.493.921	(322.493.921)	-	-
	20.705.176.081	917.480.071.135	(290.524.138.678)	(582.419.978.954)	65.241.129.584

## (b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	29.566.813.186	582.611.268.167	(576.901.420.231)	35.276.661.122



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chiết khấu thanh toán	12.748.651.168	14.933.475.985
Chi phí bán hàng cho các nhà phân phối	81.772.059.177	14.495.762.169
Chi phí khác	6.949.885.911	10.057.623.464
	101.470.596.256	39.486.861.618

## 22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	350.414.300	102.676.586.800
Nhận ký quỹ, ký cược	973.030.450	1.103.030.450
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	393.273.928
Kinh phí công đoàn	324.645.800	290.007.960
Phải trả khác	1.169.155.335	3.066.132.086
	2.817.245.885	107.529.031.224

## 23. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2022 VND		Biến động trong kỳ		31/12/2022 VND	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	57.274.254.298	57.274.254.298	1.320.000.000	(3.434.254.298)	55.160.000.000	55.160.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay từ:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i)	VND	-	54.600.000.000	54.600.000.000
Bên thứ ba (ii)	VND	7,15%	560.000.000	2.674.254.298
			55.160.000.000	57.274.254.298

(i) Đây là khoản vay tuần hoàn và không được đảm bảo.

(ii) Số dư này bao gồm các khoản tiền đặt cọc nhận được từ bên thứ ba để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của các khách hàng của Tập đoàn.

## 24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.946.820.100	10.946.279.100
Tăng khác	-	541.000
Sử dụng trong năm	(10.946.820.100)	-
Số dư cuối năm	-	10.946.820.100

## 25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	21.851.641.376	23.492.876.108
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(528.740.463)	1.728.058.723
Sử dụng trong năm	(1.322.540.330)	(3.369.293.455)
Số dư cuối năm	20.000.360.583	21.851.641.376

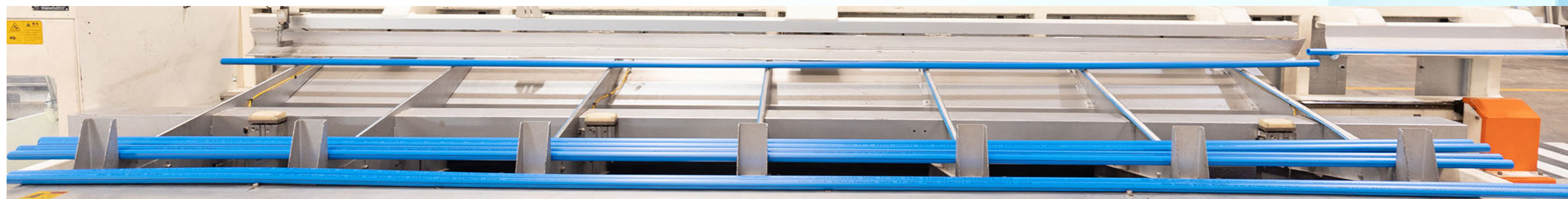
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 26. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	449.082.189.911	2.471.524.642.661
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	214.376.817.966	214.376.817.966
Chi cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.224.443.770)	(5.224.443.770)
Cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(284.876.064.240)	(284.876.064.240)
Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(102.326.172.500)	(102.326.172.500)
(Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	271.032.327.367	2.293.474.780.117
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	694.268.766.316	694.268.766.316
Chi cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.143.768.200)	(2.143.768.200)
Cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(110.512.266.300)	(110.512.266.300)
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	-	(253.768.907.800)	(253.768.907.800)
(Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	598.876.151.383	2.621.318.604.133



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 27. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
The Nawaplastic Industries Co., Ltd.	445.898.110.000	54,47%	445.259.110.000	54,4%
Các cổ đông khác	372.711.270.000	45,53%	373.350.270.000	45,6%
	<b>818.609.380.000</b>	<b>100%</b>	<b>818.609.380.000</b>	<b>100%</b>

Công ty mẹ, Nawaplastic Industries Co., Ltd và công ty mẹ cấp cao nhất, Siam Cement Public Co., Ltd, được thành lập tại Thái Lan được thành lập tại Thái Lan.

## 28. CỔ TỨC

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 212.838 triệu VND, tương đương 99,3% lợi nhuận sau thuế của năm 2021 bằng tiền mặt, trong đó khoản cổ tức đã tạm ứng là 102.326 triệu VND, tương đương 1.250 VND/cổ phần đã được trả trong năm 2021. Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 11 tháng 10 năm 2022 đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho năm 2022 với số tiền 253.769 triệu VND, tương đương 3.100 VND/cổ phần (2021: Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 517.361 triệu VND tương đương 99% lợi nhuận sau thuế của năm 2020, trong đó khoản cổ tức đã tạm ứng là 232.485 triệu VND đã được trả trong năm 2020).

## 29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## (a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	32.848	767.359.928	30.205	682.209.835
THB	37.950	25.332.764	93.920	63.302.080
		<b>792.692.692</b>		<b>745.511.915</b>

## (b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	20.503.572.713	16.431.510.289

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	5.546.202.177.218	4.359.772.893.128
• Bán vật tư, hàng hóa	278.622.010.407	205.145.273.779
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	9.068.000	19.865.000
	5.824.833.255.625	4.564.938.031.907
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(15.710.990.600)	(10.840.122.724)
• Hàng bán bị trả lại	(777.889.765)	(1.341.305.066)
	(16.488.880.365)	(12.181.427.790)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.808.344.375.260</b>	<b>4.552.756.604.117</b>

## 31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
• Thành phẩm đã bán	3.932.969.774.883	3.645.126.125.321
• Vật tư, hàng hóa đã bán	269.718.434.977	202.526.928.793
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.321.000	5.335.000
• Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập hàng tồn kho	(2.010.481.292)	1.179.347.710
	4.200.684.049.568	3.848.837.736.824



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập từ tiền lãi	53.343.882.280	58.210.598.544
Thu nhập từ cổ tức	30.000.000	474.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.675.645.441	211.972.920
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	148.377.709	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	671.920.263
	<b>55.197.905.430</b>	<b>59.568.491.727</b>

## 33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chiết khấu thanh toán	156.359.168.696	124.352.677.716
Chi phí lãi vay	27.578.302	39.575.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.178.181.387	566.937.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.237.785
	<b>157.564.928.385</b>	<b>124.995.428.345</b>

## 34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí bán hàng cho các nhà phân phối	298.084.226.938	119.080.123.727
Chi phí thưởng và môi giới cho các nhà phân phối	43.031.792.872	30.935.528.496
Chi phí nhân viên	65.500.046.977	59.832.395.462
Chi phí vận chuyển	25.292.185.263	28.209.594.010
Chi phí vật liệu quản lý	14.102.569.006	11.640.332.095
Chi phí hoa hồng	9.814.113.227	6.981.572.534
Chi phí khấu hao	1.997.807.127	3.373.994.249
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	7.627.385.803	3.579.537.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.684.854.927	9.257.950.940
Chi phí khác	10.197.486.364	8.524.802.901
	<b>503.332.468.504</b>	<b>281.415.832.067</b>

## 35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	71.064.908.022	52.540.716.086
Chi phí vật liệu quản lý	5.463.899.559	4.418.226.056
Chi phí khấu hao	2.518.185.784	4.197.236.050
Thuế, phí và lệ phí	8.074.912.217	7.162.346.421
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(330.241.754)	(7.949.968.157)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.874.440.325	13.385.441.620
Chi phí khác	15.270.861.538	13.815.892.475
	<b>128.936.965.691</b>	<b>87.569.890.551</b>

## 36. CHI PHÍ KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Chi phí phát sinh trong thời gian tạm ngừng hoạt động do dịch Covid-19	-	6.092.683.919
Khác	750.994.034	7.977.124
	<b>750.994.034</b>	<b>6.100.661.043</b>

## 37. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.052.054.495.430	3.393.562.807.592
Chi phí nhân công và nhân viên	518.215.933.954	348.104.637.321
Chi phí khấu hao và phân bổ	170.146.778.481	190.936.035.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.279.771.207	171.244.313.980
Chi phí khác	428.494.604.472	203.894.870.614

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	176.954.786.089	48.143.337.797
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	118.926.589	5.680.740.982
Chi phí thuế TNDN	177.073.712.678	53.824.078.779

## (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	871.342.478.994	268.200.896.745
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	174.268.495.795	53.640.179.349
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.823.046.790	739.719.701
Thu nhập không bị tính thuế	-	(555.820.271)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	982.170.093	-
	177.073.712.678	53.824.078.779

## c. Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

## 39. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

## (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

## (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	694.268.766.316	214.376.817.966
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	694.268.766.316	214.376.817.966

(\*) Khoản tiền thưởng cho người lao động từ năm 2021 được trích lập như một khoản chi phí trước thuế thu nhập doanh nghiệp thay vì trích lập từ lợi nhuận sau thuế như các năm trước 2021. Theo đó, khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 bằng không.

## (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	81.860.938	81.860.938

## (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.481	2.619

## (b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 40. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.627.827.642	7.117.500
Chi phí hoa hồng	9.814.113.227	8.981.572.534
Chi phí thuê kho	1.323.636.364	1.090.909.092
Khoản vay cấp cho công ty liên kết	20.000.000.000	-
Thu hồi cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Chi phí vận chuyển	1.963.200.000	2.660.000.000
Thu nhập lãi	820.000.000	562.499.999
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.243.417.290.000	1.368.590.830.000
<b>SCG Performance Chemicals Co., Ltd</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	99.730.450.970
<b>Thai Polyethylene Co., Ltd (formerly known as SCG Plastics Co., Ltd)</b>		
Mua nguyên vật liệu	100.051.806.104	71.580.888.780
<b>Nawa Intertech Company Limited</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	2.833.530.820
<b>Nawaplastic Industries Co., Ltd</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	71.794.576
<b>Công Ty TNHH Sản xuất Bao Bì Alcamax Việt Nam</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	53.118.504
<b>Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn</b>		
Mua nguyên vật liệu	62.143.478.181	-

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Sakchai Patiparnpreechavud – Chủ tịch	1.647.109.095	2.194.619.737
Ông Nguyễn Hoàng Ngân – Phó Chủ tịch	4.901.224.102	4.896.472.830
Ông Wisit Rechaipichitgool – Thành viên	86.059.851	2.478.036.796
Ông Chaowalit Treejak – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc	3.638.697.986	1.072.683.815
Ông Poramate Larnroongroj – Thành viên	988.265.457	1.336.771.842
Ông Phan Khắc Long – Thành viên	988.265.457	1.336.771.842
<b>Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và phụ cấp cho Ban Giám đốc	8.639.558.084	5.962.077.958
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.221.863.998	2.599.193.014



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

## 41. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:






Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng


Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

 (84) 28 3969 0973

 (84) 28 3960 6814

[www.binhminhplastic.com.vn](http://www.binhminhplastic.com.vn)